

Kinh tế vĩ mô tháng 7 năm 2023: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu đón nhận các tín hiệu tăng trưởng chưa đồng đều;
- Giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng tăng trở lại trên tất cả các nhóm hàng, cụ thể giá bình quân nhóm hàng năng lượng, phi năng lượng và kim loại quý lần lượt tăng 6%, 0,7% và 0,86%;
- Trên thị trường ngoại hối, đồng USD và giá vàng có diễn biến đảo chiều. So với tháng trước, chỉ số USD index giao ngay giảm 1,03%, trong khi giá vàng giao ngay đã tăng 2,32%; Nhiều đồng tiền mạnh đã tăng giá so với đồng USD;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng điểm, chỉ số MSCI ACWI đạt 707,11 điểm, tăng 3,55% so với tháng trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Sản xuất công nghiệp có diễn biến khởi sắc so với tháng trước. Chỉ số PMI ngành sản xuất đã tăng 2,5 điểm so với tháng trước, ở mức 48,7 điểm;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ước đạt 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng so với tháng trước, đạt 512,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước;
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng so với tháng trước, với mức tăng lần lượt là 0,8% và 4,4%; Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 2,15 tỷ USD trong tháng 7;
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,45% so với tháng trước, CPI bình quân 7 tháng tăng 3,12% so với bình quân cùng kỳ năm trước;
- Lãi suất huy động bình quân và lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm ở hầu hết các kỳ hạn;
- Tỷ giá trung tâm diễn biến phù hợp với xu hướng của đồng USD; Giá vàng trong nước cùng xu hướng với giá vàng thế giới;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng trưởng. Kết thúc tháng 7, chỉ số VN-Index đạt 1.222,9 điểm, tăng 9,17% so với tháng trước.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế Mỹ tiếp tục đón nhận các tín hiệu tăng trưởng

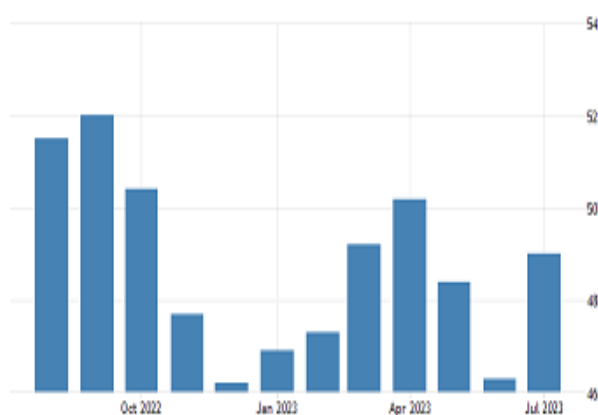
Kinh tế Mỹ đã tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong quý II, tăng khoảng 2,4% so với cùng kỳ năm trước – cao hơn mức tăng trưởng 2% của quý I cũng như mức dự báo được đưa ra trước đó là 1,8%. Ngoài thị trường nhà đất, lĩnh vực sản xuất, phần lớn nền kinh tế Mỹ đã vượt qua khó khăn, ghi nhận mức tăng trưởng và đóng góp mạnh của các khoản đầu tư cố định, ngoài ra các hoạt động chi tiêu của Chính phủ và tiêu dùng cá nhân cũng tăng trưởng mặc dù tốc độ đã thấp hơn so với năm 2022.

Đáng chú ý trong tháng 7/2023, kinh tế Mỹ đã đón nhận tín hiệu phục hồi của khu vực sản xuất sau 03 tháng suy giảm liên tiếp. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã tiệm cận với ngưỡng mở rộng, tăng gần 3 điểm từ mức thấp của tháng trước, đạt 49 điểm. Trong đó, sản lượng không có thay đổi so với tháng trước và đơn đặt hàng mới đã giảm ở mức thấp. Bên cạnh đó, các tín hiệu trong khu vực dịch vụ tiếp tục khả quan, mặc dù chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã giảm 2,1 điểm so với tháng trước, về mức 52,3 điểm. Doanh thu dịch vụ đã giảm nhẹ nhưng vẫn phản ánh nhu cầu bên ngoài tăng mạnh.

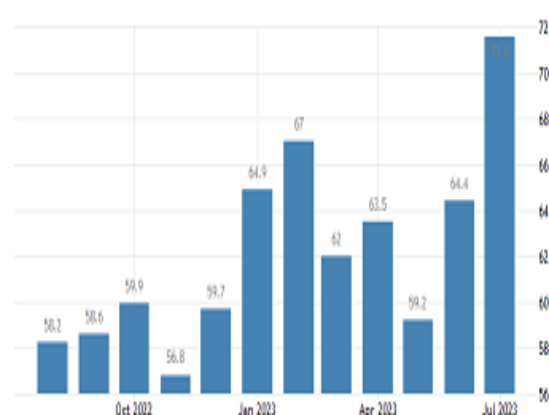
Đồng thời, tốc độ tăng trưởng của doanh thu bán lẻ theo tháng mới nhất tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng dương trong 03 tháng liên tiếp. Theo đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng duy trì đà tăng kéo dài trong 03 tháng vừa qua, đạt mức điểm cao nhất vào tháng 7 là 71,6 điểm.

Lạm phát liên tục có tín hiệu hạ nhiệt tại Mỹ kể từ đầu năm, mức lạm phát theo số liệu công bố mới nhất là 3,2% - gần sát với mục tiêu đề ra, giá cả năng lượng, thực phẩm giảm liên tục đã hỗ trợ mạnh mẽ cho diễn biến của lạm phát. Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản cũng đã giảm xuống mức 4,7% - mức thấp nhất kể từ tháng 10/2021. Đồng thời, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ đã giảm xuống còn 3,5%.

Chỉ số PMI sản xuất



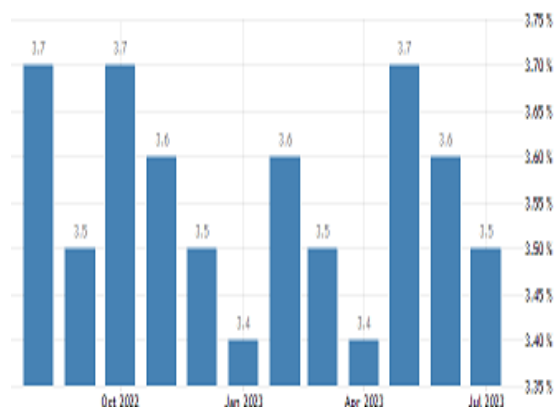
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

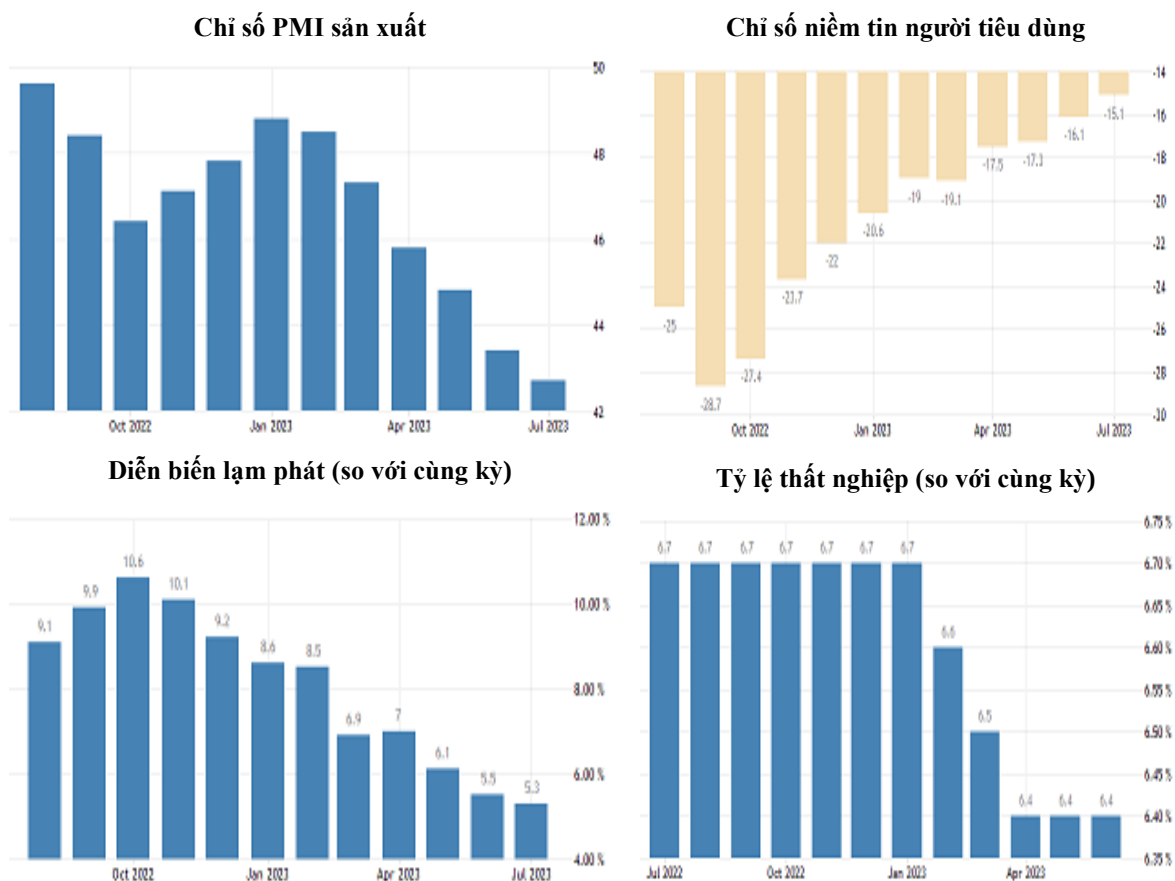
Kinh tế khu vực Châu Âu đã xuất hiện các dấu hiệu yếu hơn

Tăng trưởng kinh tế khu vực Châu Âu tăng 0,3% trong quý II/2023 sau khi đi ngang trong quý I – cao hơn kỳ vọng của thị trường. Kinh tế đã có tín hiệu tăng trưởng trở lại khi nhu cầu có xu hướng hồi phục nhờ sự hạ nhiệt của lạm phát. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục không diễn ra đồng đều, trong nhóm các nền kinh tế lớn, Pháp và Tây Ban Nha có được diễn biến khá ổn định trong khi Ý lại có diễn biến thu hẹp hơn kỳ vọng, đáng lo ngại nhất là xu hướng đình trệ của Đức.

Tuy nhiên, kinh tế khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã xuất hiện các tín hiệu yếu đi, đồng thời tại khu vực sản xuất và dịch vụ trong tháng 7, các kết quả đạt được đều thấp hơn kỳ vọng của thị trường. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất tiếp tục giảm so với tháng trước, đạt 42,7 điểm – kéo dài xu hướng thu hẹp kể từ tháng 7 năm ngoái. Diễn biến thu hẹp của sản lượng sản xuất đã giảm mạnh trong bối cảnh nhu cầu suy yếu. Xu hướng trên đã xuất hiện ở tất cả các nước kinh tế thành viên trong khu vực, đáng chú ý là sự thu hẹp mạnh diễn ra tại Đức, chỉ số PMI trong lĩnh vực này hiện đã thấp hơn 40 điểm, đạt 38,8 điểm. Trong khi đó, xu hướng mở rộng trong lĩnh vực dịch vụ cũng đã giảm tốc so với tháng trước, ngoại trừ diễn biến của Pháp, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã giảm từ 52 điểm của tháng trước xuống còn 51,1 điểm – mức độ cải thiện thấp nhất kể từ đầu năm, chứng kiến sự suy giảm của đơn hàng mới lần đầu tiên trong vòng 07 tháng và sự giảm tốc của việc làm về mức thấp.

Mặc dù các tín hiệu kém khả quan hơn đã xuất hiện nhưng niềm tin người tiêu dùng trong khu vực tiếp tục được cải thiện so với tháng trước, chỉ số niềm tin người tiêu dùng hiện đạt -15,1 điểm. Người tiêu dùng trong khu vực vẫn tin tưởng vào khả năng phục hồi của kinh tế khu vực so với những diễn biến thiếu tích cực kể từ tháng 9 năm ngoái.

Lạm phát tiếp tục có diễn biến tích cực, tỷ lệ lạm phát đã giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 5,3% so với cùng kỳ - giảm liên tục kể từ tháng 5. Tỷ lệ lạm phát cơ bản trong tháng 7 vẫn giữ ở mức 5,5% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi, ở mức 6,4% trong tháng thứ hai liên tiếp và phù hợp với dự báo của thị trường.



Nguồn: Trading economics

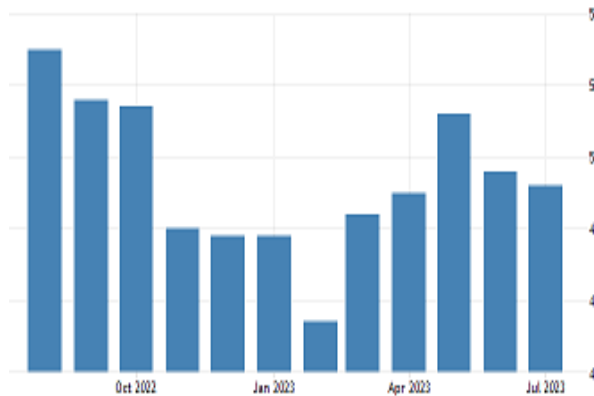
Kinh tế Nhật Bản đã có tín hiệu giảm nhẹ trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ

Kinh tế Nhật Bản trong tháng 7 về cơ bản không có nhiều thay đổi so với tháng trước. Xu hướng thu hẹp tiếp tục diễn ra trong khu vực sản xuất, chỉ số PMI đã giảm từ 49,8 điểm xuống 49,6 điểm. Diễn biến thiếu tích cực vẫn tiếp tục diễn ra đối với sản lượng, đơn đặt hàng mới, doanh thu xuất khẩu hàng hóa. Trong khi đó, lĩnh vực dịch vụ vẫn có được 06 tháng cải thiện, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 53,8 điểm – giảm 0,2 điểm so với tháng trước. Xu hướng mở rộng đã giảm tốc ở mức thấp nhất kể từ đầu năm, diễn biến của các cấu phần chính đều có xu hướng giảm hoặc tăng nhẹ so với tháng trước.

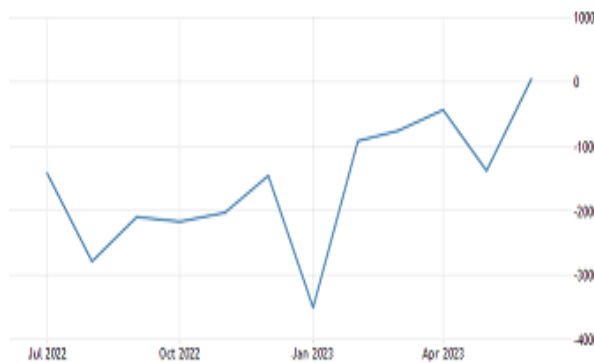
Doanh số bán lẻ hàng hóa theo tháng mới nhất cũng đã có mức tăng trưởng âm 0,4% so với tháng trước. Tuy nhiên so với cùng kỳ, doanh số bán lẻ hàng hóa đã tăng 5,9% - duy trì đà tăng liên tiếp trong 03 tháng gần đây, nổi bật trong đó là tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực ô tô, dược, mỹ phẩm. Ngoài ra, theo số liệu công bố hoạt động thương mại của Nhật đã thoát khỏi chuỗi thâm hụt kéo dài trong nhiều năm, thặng dư 43,05 tỷ JPY. Trong đó, hoạt động xuất khẩu tăng 1,5% so với cùng kỳ và hoạt động nhập khẩu tiếp tục giảm 12,9%.

Niềm tin người tiêu dùng tiếp tục được cải thiện trước sự lạc quan về đà phục hồi của kinh tế sau đại dịch, chỉ số niềm tin người tiêu dùng hiện đạt 37,1 điểm – mức cao nhất kể từ đầu năm.

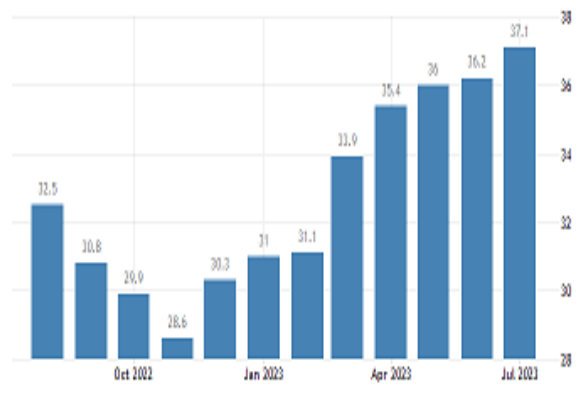
Chỉ số PMI sản xuất



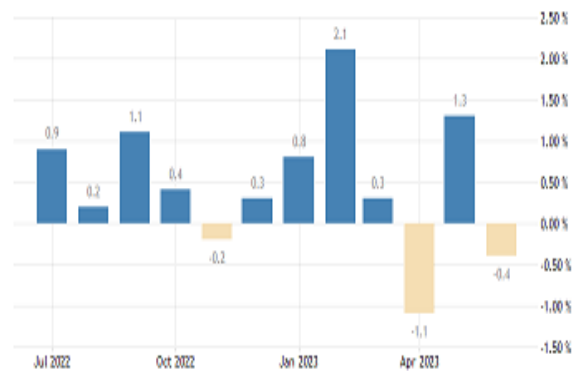
Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế
Trung Quốc
chưa có
thêm tín
hiệu mới

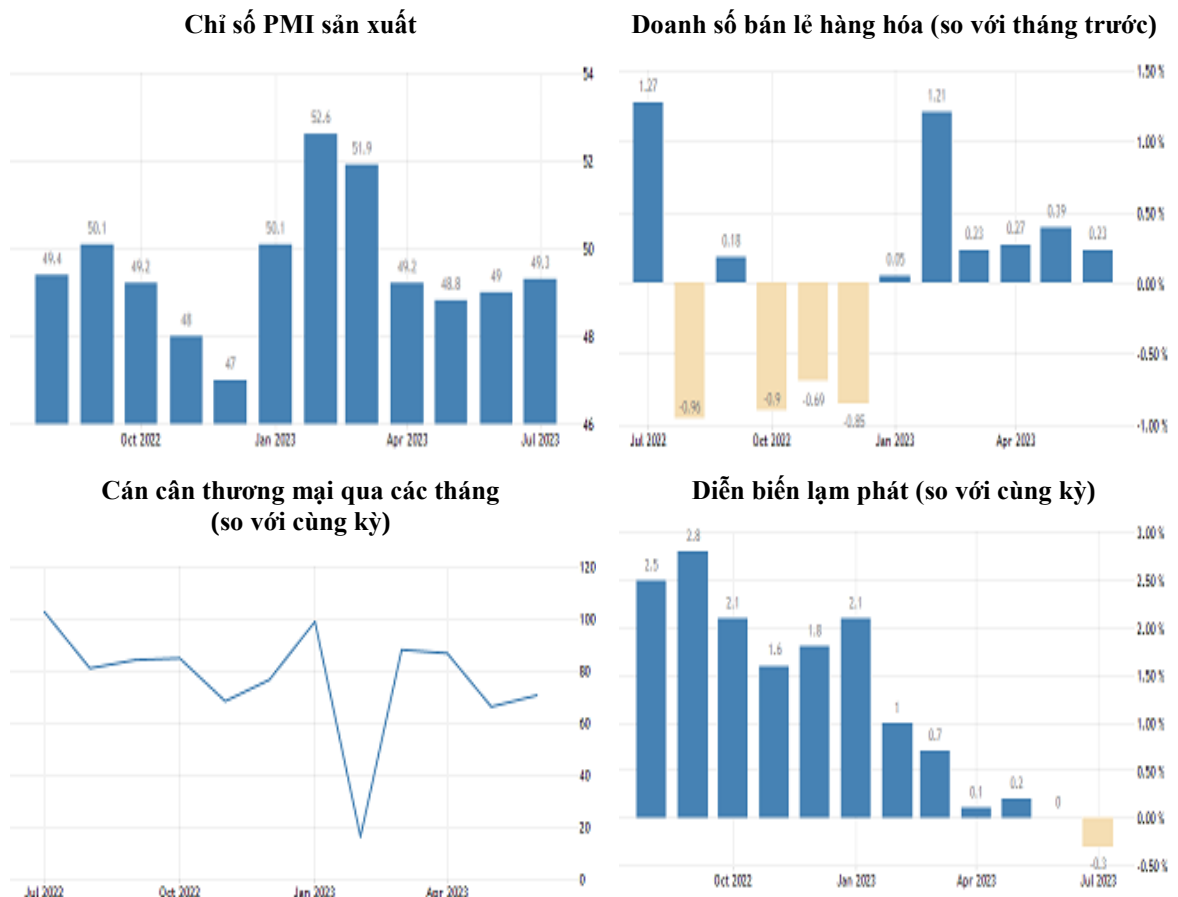
Tăng trưởng kinh tế quý II của Trung Quốc đã tăng 6,3% so với cùng kỳ – là mức tăng mạnh thứ hai trong vòng 2 năm qua. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP theo quý chỉ đạt 0,8% trong quý II, thấp hơn đáng kể so với mức 2,2% của quý trước. Diễn biến kinh tế trong quý II cho thấy đà tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đang bị cản trở do tình trạng suy thoái của thị trường bất động sản, xuất khẩu giảm sút và tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trẻ ở mức cao.

Kinh tế Trung Quốc trong tháng 7 cũng chưa có thêm các tín hiệu khả quan, lĩnh vực sản xuất vẫn duy trì trạng thái thu hẹp trong 04 tháng liên tiếp, chỉ số PMI tổng lĩnh vực này đạt 49,3 điểm. Trong khi đó, mức độ cải thiện trong khu vực phi sản xuất vẫn được ghi nhận nhưng chỉ số PMI đã giảm 1,7 điểm so với tháng trước, đạt 51,5 điểm. Đáng chú ý là đơn đặt hàng mới và doanh thu xuất khẩu trong cả hai lĩnh vực tiếp tục có diễn biến giảm kéo dài trong vòng 4 – 5 tháng. Việc làm cũng có xu hướng giảm liên tục trong lĩnh vực sản xuất và vẫn còn yếu tại khu vực phi sản xuất. Mặc dù vậy, niềm tin kinh doanh trong cả hai lĩnh vực đều có diễn biến khả quan, chỉ số niềm tin kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đạt 55,1 điểm và trong lĩnh vực phi sản xuất đạt 59 điểm.

Bên cạnh đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa trong nền kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương, mặc dù đã giảm so với mức tăng của tháng trước, tăng 0,23%. Tuy nhiên so với cùng kỳ, doanh thu bán lẻ hàng hóa chỉ tăng 3,1% - mức tăng trưởng thấp nhất kể từ đầu năm.

Số liệu thống kê mới nhất cho thấy thặng dư thương mại của Trung Quốc đã giảm 22,1 tỷ USD so với cùng thời điểm năm ngoái, đạt 80,6 tỷ USD do xuất khẩu suy giảm nhanh hơn nhập khẩu. Theo đó, xuất khẩu đã giảm 14,5% - tháng giảm thứ ba liên tiếp – mức giảm mạnh nhất trong hơn 2 năm qua trong khi hoạt động nhập khẩu giảm 12,4%.

Trung Quốc đang có nguy cơ phải đối mặt với tình trạng giảm phát khi lạm phát theo tháng đã giảm liên tiếp trong những tháng gần đây. Kết thúc tháng 7, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,3% so với cùng kỳ - mức giảm đầu tiên kể từ tháng 2/2021.



Nguồn: Trading economics

Giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng tăng trở lại

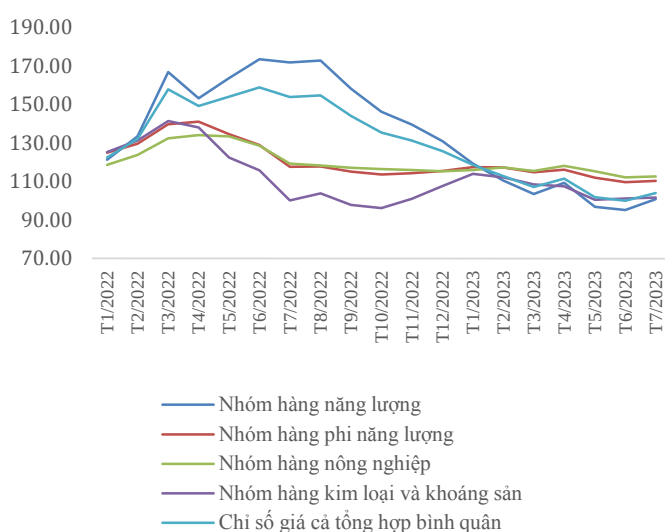
Trong tháng 7, theo thống kê của WB, chỉ số giá cả hàng hóa trên toàn cầu đã tăng trở lại, cụ thể, giá bình quân nhóm hàng năng lượng tăng 6% và nhóm hàng phi năng lượng tăng 0,7% với các diễn biến đáng chú ý sau:

+ Trong nhóm hàng năng lượng, xu hướng tăng được dẫn dắt chủ yếu bởi giá dầu thô, với mức tăng bình quân là 7,8% và giá khí hóa lỏng giao dịch tại thị trường Mỹ tăng gần 17%. Giá dầu giao dịch đã duy trì đà tăng liên tục qua các tuần khi nguồn cung thu hẹp và nhu cầu có tín hiệu tăng trở lại, đặc biệt khi các nền kinh tế có diễn biến tích cực trong quý II. Sau một tháng giao dịch, giá dầu Brent và dầu WTI giao ngay và kỳ hạn đều đã tăng khá mạnh, giao động trong khoảng 13,8% – 16,1%. Kết thúc tháng 7, giá dầu WTI và dầu Brent giao ngay là 81,7 USD/thùng và 85,45 USD/thùng.

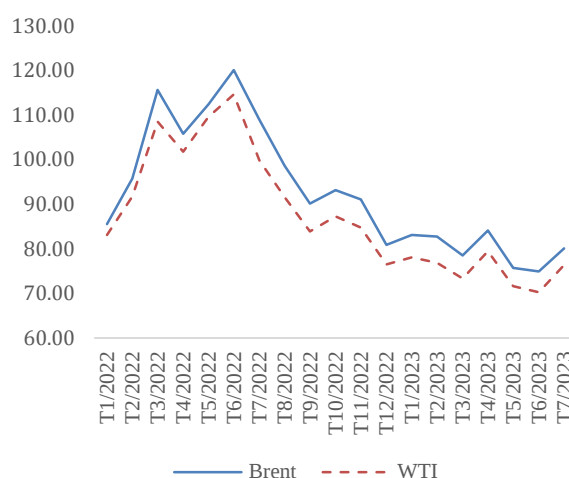
+ Trong nhóm hàng phi năng lượng, giá bình quân của các nhóm hàng đều có xu hướng tăng, giá hàng hóa bình quân trong lĩnh vực nông nghiệp tăng thấp nhất, ở mức 0,53% (mức tăng chủ yếu tập trung vào nhóm hàng dầu ăn, gạo) và tăng mạnh nhất là giá của nhóm hàng phân bón, tăng lớn hơn 5%.

Bên cạnh đó, chỉ số giá kim loại và khoáng đều tăng nhẹ, lần lượt là 0,37% và 0,29%. Trong nhóm các kim loại sản xuất, diễn biến tăng vẫn xuất hiện trong nhóm kim loại chủ chốt như đồng, nhôm, sắt, kẽm, tăng mạnh nhất là thiếc với mức tăng giá bình quân là 5,61%. Ngoài ra, chỉ số giá các kim loại quý cũng tăng 0,86%, trong đó chủ yếu là diễn biến tăng của giá vàng và giá bạc trong khi giá giao dịch bình quân của platinum giảm hơn 2%.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu bình quân



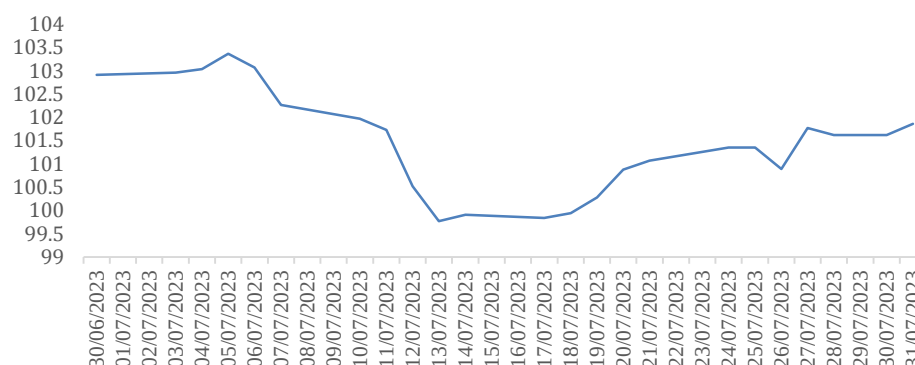
Nguồn: worldbank.org

2. Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD có diễn biến giảm tháng thứ hai liên tiếp

Tháng 7 tiếp tục ghi nhận xu hướng xấu đi của đồng bạc xanh - chỉ số USD index đã giảm 1,03% - trái ngược với diễn biến của cùng thời điểm năm 2022. Đồng USD sau khi đón nhận các kết quả kinh tế khả quan trong quý II đã có diễn biến giảm liên tục từ ngày 6/7 – 13/7 với tổng mức giảm đã lớn hơn 3% trước những đồn đoán về việc Fed sắp kết thúc chu kỳ thắt chặt tiền tệ trước kết quả diễn biến thuận lợi của lạm phát và việc làm cũng như là xu hướng tăng lãi suất của nhiều nền kinh tế lớn. Tháng 7 đã ghi nhận mức giá giao dịch thấp nhất của đồng USD trong 2 tháng vừa qua, khi chỉ số USD giảm dưới ngưỡng 100 vào ngày 13/7. Tuy nhiên quyết định tiếp tục tăng lãi suất thêm 0,25 điểm cơ bản của Fed vào cuối tháng cũng như tín hiệu tốt lên của khu vực sản xuất đã hỗ trợ cho diễn biến đảo ngược của đồng USD trong nửa cuối của tháng. Kết thúc tháng 7, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch ở mức 101.86 và 101.626.

Diễn biến chỉ số USD Index



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP tiếp tục diễn biến tốt hơn đồng USD

Tháng 7 tiếp tục ghi nhận diễn biến tốt hơn của 02 đồng tiền mạnh tại khu vực Châu Âu so với đồng bạc xanh. Kết thúc tháng, đồng EUR và đồng GBP đã tăng lần lượt là 0,76% và 1,05% so với đồng USD. Hai đồng tiền mạnh của khu vực về cơ bản có diễn biến tương đồng trong tháng 7, có diễn biến giảm trong nửa đầu tháng và tăng trong nửa cuối tháng. Trong bối cảnh kinh tế đang đón nhận thêm nhiều diễn biến không tốt như kỳ vọng của thị trường, diễn biến tăng của đồng EUR được hỗ trợ chủ yếu bởi xu hướng giảm của đồng USD và quyết tâm của NHTW khu vực trong việc kiểm soát để đưa lạm phát về mức mục tiêu 2% thông qua việc tiếp tục điều chỉnh lãi suất điều hành. Ngày 27/7, ECB đã tăng lãi suất tiền gửi thêm 0,25 điểm phần trăm lên mức 3,75% - mức lãi suất cao nhất trong vòng 23 năm qua. Trong khi đó, diễn biến tăng của đồng GBP lại được thúc đẩy bởi diễn biến tăng trưởng tiền lương vượt kỳ vọng – làm gia tăng kỳ vọng về việc BOE sẽ nhanh chóng tăng lãi suất trong tháng tới để kiểm soát lạm phát.

Kết thúc tháng 7, cặp tỷ giá GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2837 và cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch ở mức 1.0993.

Bên cạnh đó, đồng AUD và đồng CAD tiếp tục có tháng tăng thứ hai liên tiếp so với đồng bạc xanh mặc dù mức tăng đã thấp hơn so với tháng trước. Diễn biến tích cực của cả hai đồng tiền được hưởng lợi từ diễn biến giảm của đồng USD trong nửa đầu tháng, đồng thời, cũng bị tác động bởi các quyết định điều hành lãi suất của NHTW phù hợp với diễn biến vĩ mô. Theo đó, BoC đã tăng lãi suất cơ bản thêm 0,25 điểm phần trăm lên mức 5% trong khi RBA đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 4,1% sau khi lạm phát hạ nhiệt. Kết thúc tháng 7, cặp tỷ giá AUD/USD chốt giao dịch ở mức 0.672 và cặp tỷ giá USD/CAD chốt giao dịch ở mức 1.3187.

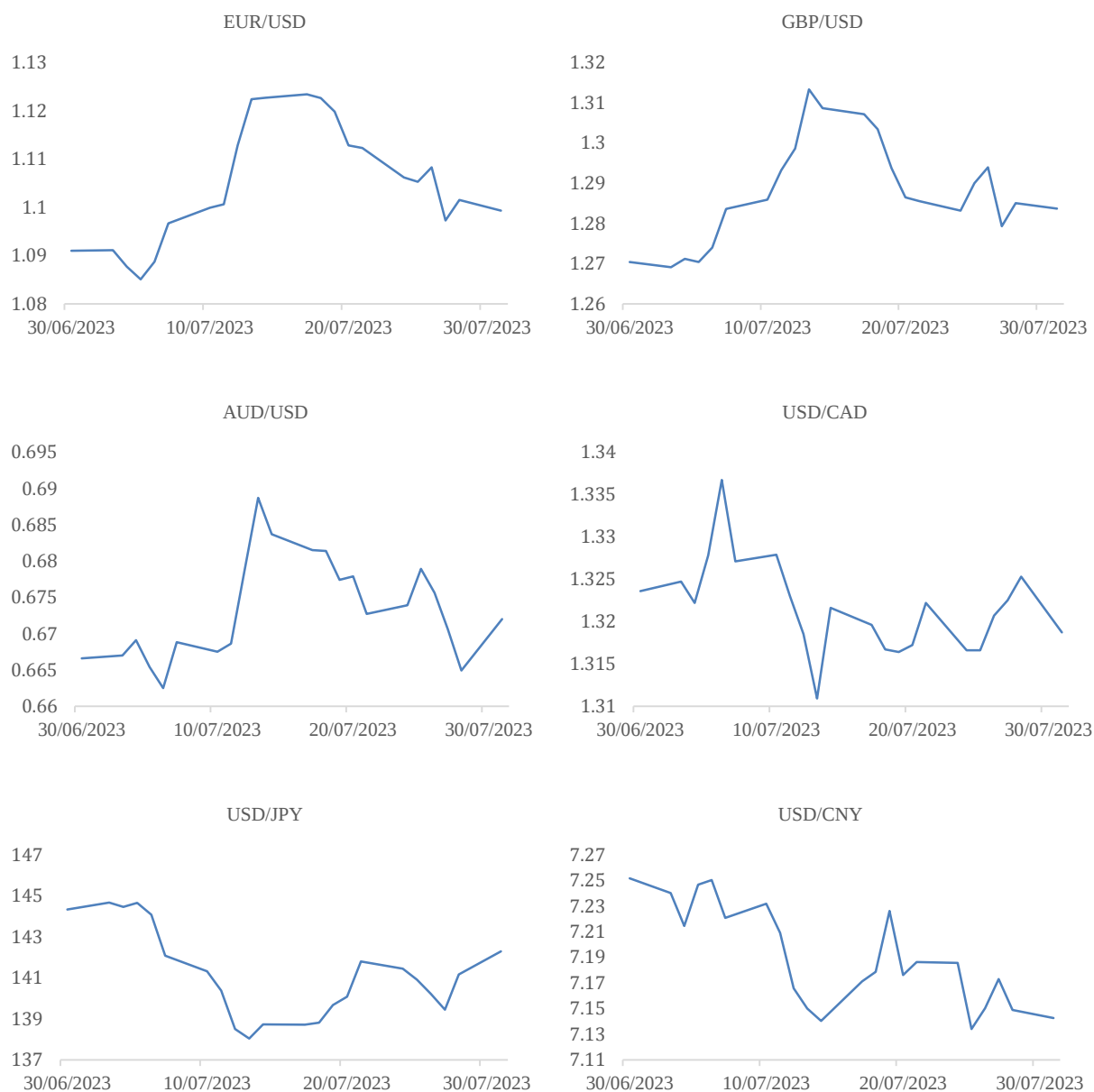
Đồng JPY và đồng CNY đã tăng trở lại so với đồng USD sau nhiều tháng giảm

Trong tháng 7, thị trường ngoại hối đã chứng kiến diễn biến tăng của đồng CNY và đồng JPY so với đồng USD – đồng thời, ghi nhận tháng tăng đầu tiên sau 03 tháng giảm liên tiếp. Đáng chú ý nhất là xu hướng tăng của đồng JPY trong tháng, tăng 1,41% so với đồng USD, ghi nhận 02 chuỗi tăng liên tục từ ngày 6/7 – 13/7 và từ ngày 24/7 – 27/7, đồng JPY đã tăng mạnh hơn 1,3%/ngày giao dịch vào 02 ngày (7 và 12/7) khiến đồng JPY rời khỏi

ngưỡng giá tâm lý 140 được duy trì trong nhiều tháng. Xu hướng tích cực của đồng JPY bị tác động mạnh bởi kỳ vọng của thị trường về việc BOJ sẽ nhanh chóng thay đổi trạng thái siêu nới lỏng của CSTT khi lạm phát có xu hướng tăng nhanh. Bên cạnh đó, đồng CNY cũng có diễn biến tăng 1,5% so với đồng USD, ghi nhận chuỗi tăng liên tục từ ngày 11/7 – 14/7. Diễn biến tích cực của đồng CNY trong tháng chủ yếu được hưởng lợi từ xu hướng giảm của đồng USD trên thị trường và xu hướng diễn biến của lạm phát trong nền kinh tế. Ngoài ra, diễn biến giảm xuất hiện trong tháng cũng bị tác động rõ rệt bởi đà phục hồi kinh tế bị chậm lại sau đại dịch. Trong tháng, tỷ giá USD/CNY giao dịch trong khoảng 7.12 – 7.26.

Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/CNY và cặp tỷ giá USD/JPY chốt giao dịch lần lượt ở mức 7.1426 và 142.28.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



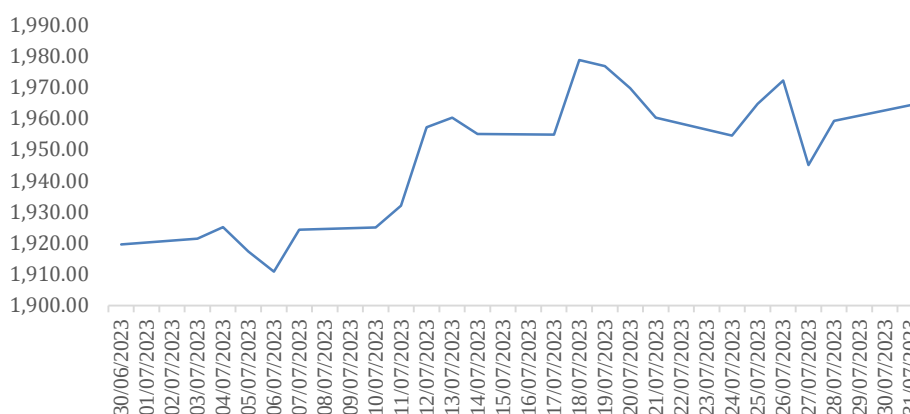
Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng tăng giá mạnh trở lại sau 2 tháng giảm liên tiếp

Giá vàng đã có diễn biến tăng tốt trong tháng 7, tăng 2,32% đối với giá vàng giao ngay và tăng 4,14% đối với giá vàng kỳ hạn – diễn biến trái chiều so với cùng thời điểm năm ngoái. Trong tháng, giá vàng đã có chuỗi tăng liên tiếp từ ngày 7/7 – 13/7 và chuỗi giảm từ ngày 19/7 – 24/7, ghi nhận khoảng 03 ngày giao dịch biến động mạnh lớn hơn 1,2%. Xu hướng của giá vàng bị ảnh hưởng mạnh bởi các kết quả kinh tế vĩ mô của Mỹ và động thái tăng lãi suất của NHTW các nước, nhất là các quyết định của Fed. Giá vàng giao dịch đã có lúc tiệm cận mức giá giao dịch cao 2.000 USD/ounce, giao động trong khoảng 1.902 – 1.977 USD/ounce. Kết thúc tháng 7, giá vàng giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch vào ngày cuối tháng lần lượt ở mức 1.964,19 USD/ounce và 2.009,2 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới

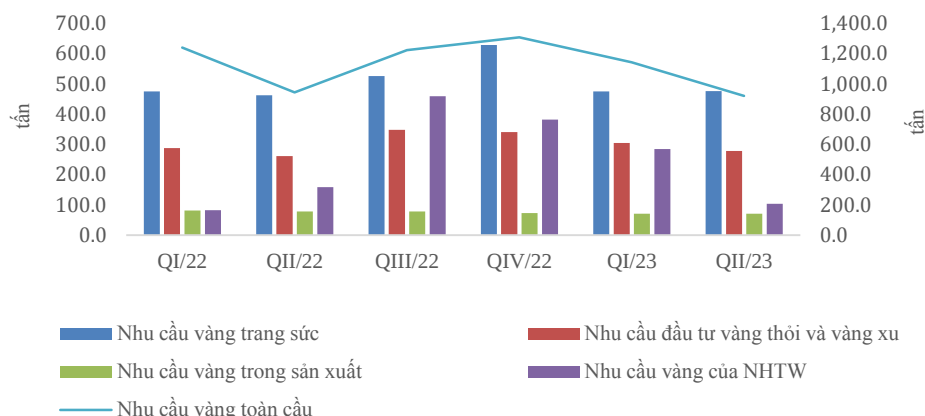


Nguồn: investing.com

Theo báo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới, nhu cầu vàng toàn cầu (không bao gồm trên thị trường OTC) đã giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ trong quý II, xuống mức 921 tấn – cùng xu hướng với quý II/2022. Trong đó, đáng chú ý là nhu cầu mua vàng của NHTW giảm mạnh, xuống còn 103 tấn, chủ yếu do hoạt động bán ròng của Thổ Nhĩ Kỳ để đáp ứng nhu cầu trong nước.

Trong quý II, nhu cầu vàng toàn cầu vẫn có được sự đóng góp tích cực của nhu cầu vàng đầu tư và nhu cầu vàng trang sức. Cụ thể, nhu cầu đầu tư vàng thỏi và vàng xu đã tăng 6% so với cùng kỳ, đạt 277 tấn trong quý II, được ghi nhận nhu cầu tăng mạnh tại Thổ Nhĩ Kỳ. Vốn đầu tư ròng qua các quỹ ETFs được bảo đảm bằng vàng ở mức 21 tấn, thấp hơn khoảng một nửa so với cùng thời điểm năm 2022. Tiếp đến nhu cầu vàng trang sức cũng đã tăng 3% so với cùng kỳ, ở mức 476 tấn. Bên cạnh đó, nhu cầu vàng trong sản xuất cũng giảm nhẹ trong bối cảnh nhu cầu các thiết bị điện tử yếu, duy trì ở mức 70 tấn trong quý thứ hai liên tiếp.

Nhu cầu vàng thế giới theo quý (2022 - 2023)



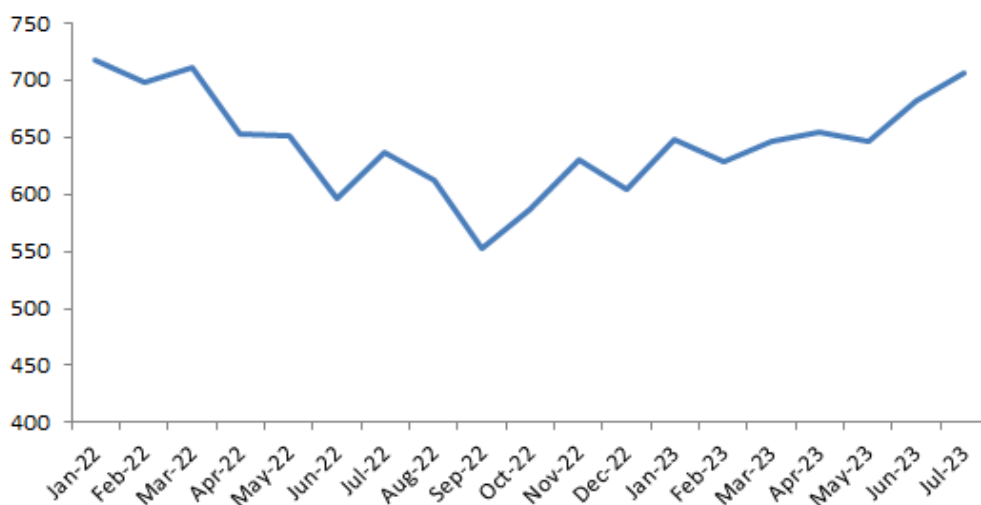
Nguồn: Hội đồng vàng thế giới

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng điểm

Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục khởi sắc trong tháng 7, chỉ số MSCI ACWI chốt tháng tăng 3,55% lên 707,11 điểm, nâng mức tăng từ đầu năm lên 16,80%. Thị trường chứng khoán các khu vực đều có chung xu hướng tăng điểm.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2022 – 7/2023



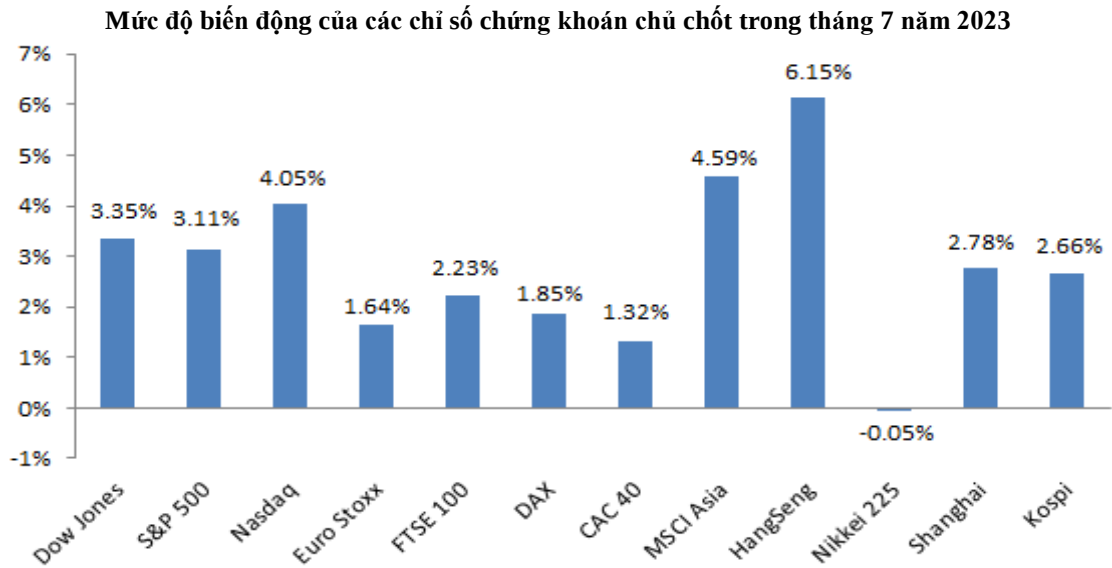
Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ khép lại tháng 7 đầy thắng lợi ở cả 03 chỉ số chính nhờ dữ liệu kinh tế tích cực và lạm phát tiếp tục hạ nhiệt. Kết thúc tháng 7, chỉ số Dow Jones tăng 3,35% so với tháng trước, chỉ số S&P 500 tăng 3,11% và chỉ số công nghệ Nasdaq Composite tăng 4,05% - đánh dấu tháng tăng trưởng thứ 5 liên tiếp. Trong tháng, tất cả các lĩnh vực của chỉ số S&P 500 đều tăng điểm, dẫn đầu là nhóm cổ phiếu ngành năng lượng, truyền thông và tài chính.

Tại Châu Âu, các thị trường chứng khoán chủ chốt đều tăng điểm nhẹ quanh mốc 1% - 2% so với cuối tháng trước. Kết thúc tháng 7, chỉ số Euro Stoxx tăng 1,64%, chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 2,23%, chỉ số DAX của Đức tăng 1,85% và chỉ số CAC 40 của Pháp nhích nhẹ 1,32%. Các lĩnh vực bất động

sản, năng lượng và vật liệu tăng trưởng mạnh trong khi lĩnh vực hàng tiêu dùng thiết yếu, công nghệ thông tin bị suy giảm.

Thị trường chứng khoán Châu Á tiếp tục có diễn biến tích cực, chỉ số MSCI Châu Á – Thái Bình Dương đã tăng 4,59% so với tháng trước. Hầu hết các thị trường chứng khoán chủ chốt đều tăng điểm, dẫn đầu là chỉ số HangSeng của Hồng Kông với 6,15%, theo sau là chỉ số Shanghai của Trung Quốc tăng 2,78%; chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 2,66%. Riêng chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm nhẹ 0,05% trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư sau khi tăng mạnh trong các tháng trước.



Nguồn: Bloomberg

KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

Sản xuất công nghiệp có diễn biến khởi sắc so với tháng trước

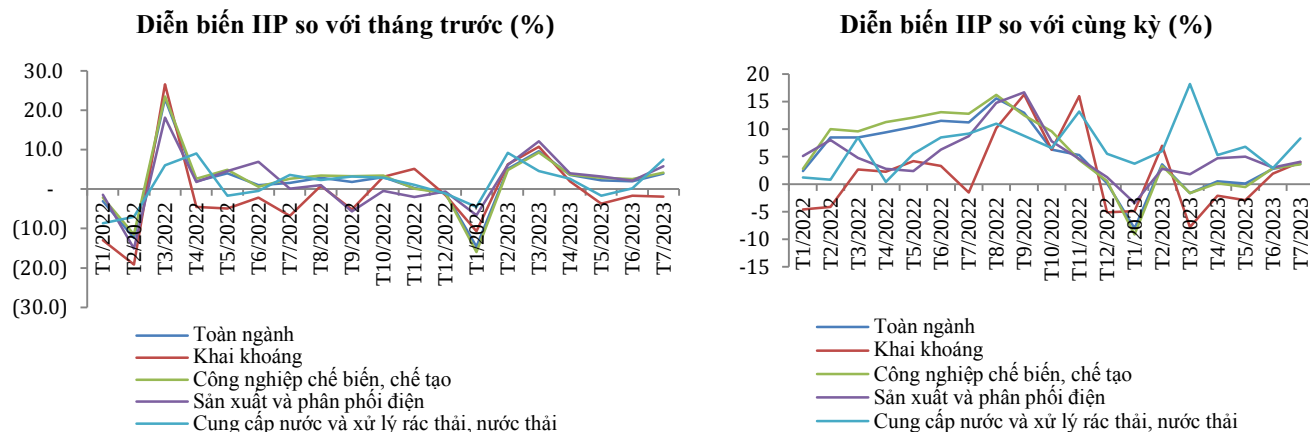
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP trong tháng 7/2023 ước tính tăng 3,9% so với tháng trước và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 3,6%; ngành khai khoáng tăng 4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,1% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,3%.

Tính chung 7 tháng, IIP ước tính giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2022¹. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 1%², làm giảm 0,7 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành khai khoáng giảm 1,2%, làm giảm 0,2 điểm phần trăm.

¹ IIP 7 tháng năm 2022 tăng 8,6%

² Chỉ số IIP trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cùng kỳ năm 2022 tăng 9,5%

Trên cả nước, chỉ số IIP trong 7 tháng so với cùng kỳ năm trước đã tăng ở 49 địa phương và giảm ở 14 địa phương. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao³. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện giảm⁴.



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 7 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 12,2%; khai thác quặng kim loại và sản xuất sản phẩm thuốc lá cùng tăng 8,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 7,6%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu tăng 7,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 6,4%. Bên cạnh đó, trong tháng cũng ghi nhận xu hướng giảm của một số nhóm ngành quan trọng như chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 6,9%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 6,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 6,2%; sản xuất trang phục giảm 5,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học và sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác cùng giảm 4,3%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/7/2023 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 3,9% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,1%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,3% và giảm 3,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và giảm 4,4%.

Các điều kiện sản Trong tháng 7/2023, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đạt 48,7 điểm – tăng 2,5 điểm so với tháng trước. Mặc dù chỉ số PMI vẫn nằm trong vùng suy giảm 5

³ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao là: Bắc Giang tăng 16,1%; Phú Thọ tăng 15,8%; Kiên Giang tăng 13,9%; Nam Định tăng 13,6%; Phú Yên tăng 12,6%; Hà Nam tăng 11,3%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Hậu Giang tăng 211,3%; Khánh Hòa tăng 89,7%; Thái Bình tăng 82,4%; Trà Vinh tăng 19%; Nam Định tăng 10,9%

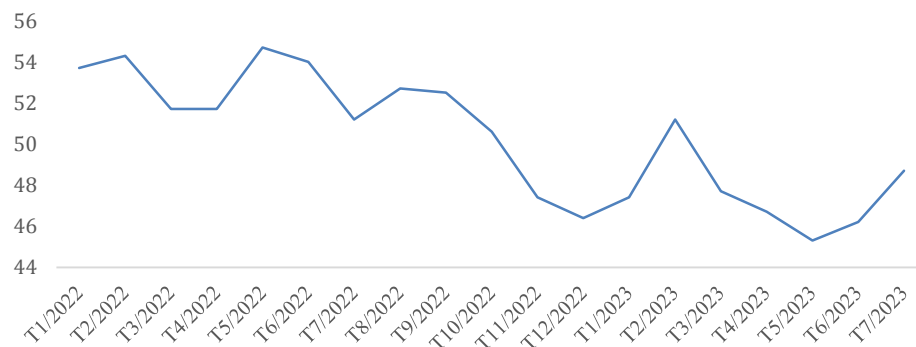
⁴ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm là: Quảng Nam giảm 31,4%; Bắc Ninh giảm 16,7%; Vĩnh Long giảm 15,2%; Sóc Trăng giảm 6,9%; Hòa Bình giảm 4%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện 7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước giảm: Sơn La giảm 47,5%; Điện Biên giảm 41,1%; Cao Bằng giảm 39,1%; Lai Châu giảm 38,1%; Hà Giang giảm 31,4%; Hòa Bình giảm 29,8%; Quảng Nam giảm 15,9%. Địa phương có ngành khai khoáng giảm: Vĩnh Long giảm 76,5%; Hà Giang giảm 41,6%; Điện Biên giảm 11,1%

*xuất suy
giảm tháng
thứ 5 liên
tiếp*

tháng liên tiếp nhưng đã bắt đầu xuất hiện các tín hiệu tích cực, cụ thể như sau:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm nhẹ hơn trong tháng 7, tuy nhiên đơn hàng xuất khẩu mới đang giảm với tốc độ nhanh hơn so với tổng số lượng đơn hàng mới, đặc biệt là xu hướng giảm của các đơn hàng từ thị trường Châu Âu.
- + Sản lượng hàng hóa sản xuất tiếp tục giảm dẫn đến diễn biến tương tự của lượng công việc tồn đọng, hoạt động mua hàng, số lượng việc làm.
- + Tồn kho thành phẩm và tồn kho hàng hóa đầu vào đều có diễn biến tăng ngoài dự kiến.
- + Chi phí đầu vào đã giảm tháng thứ ba liên tiếp đã giúp các nhà sản xuất giảm giá bán hàng hóa để thúc đẩy nhu cầu.
- + Niềm tin kinh doanh tiếp tục được cải thiện so với tháng trước, ở mức cao trong vòng 4 tháng, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn bày tỏ khó khăn trong việc tìm kiếm các đơn hàng mới.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

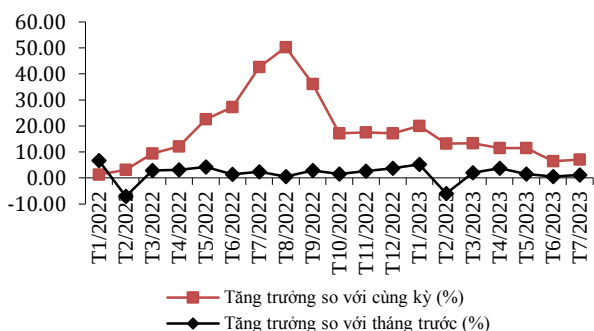
*Tổng mức
bán lẻ hàng
hóa tiếp tục
tăng so với
tháng trước*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 7 ước đạt 512,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 399,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 56,3 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% và cuối cùng là doanh thu dịch vụ khác đạt 52,6 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6%.

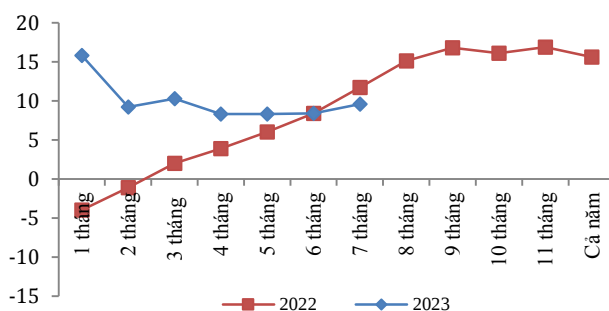
Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 3.529,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,6%⁵. Cụ thể, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 2.777,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,7% tổng mức và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 377,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,7% tổng mức và tăng 16,3%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 18,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng mức và tăng 53,6%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 356,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 13,8%.

⁵ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2022 loại trừ yếu tố giá tăng 11,7%

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

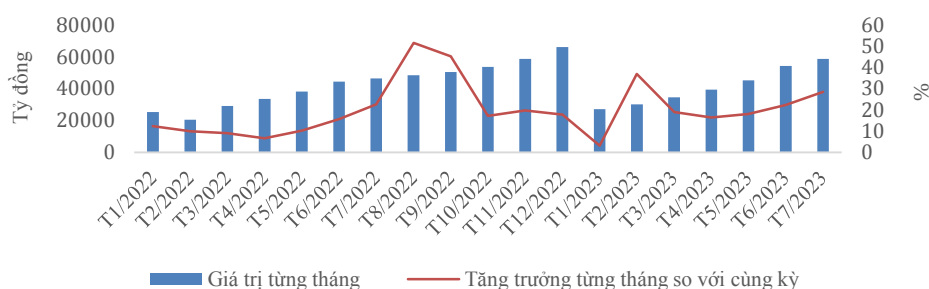
Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7 ước tính đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn Trung ương quản lý đạt 10,8 nghìn tỷ đồng, tăng 31,8%; vốn địa phương quản lý đạt 47,7 nghìn tỷ đồng, tăng 27,6%.

Tính chung 7 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 291 nghìn tỷ đồng, bằng 41,3% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước⁶. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 54,1 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% kế hoạch năm và tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 236,9 nghìn tỷ đồng, bằng 41,5% kế hoạch năm và tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 7 tháng vừa qua, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN phân cho các Bộ, ngành ghi nhận mức tăng cao tại Bộ Giao thông vận tải; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, cũng chứng kiến mức giảm mạnh tại Bộ Xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



Nguồn: TCTK

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đã tăng trở lại

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/7/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đã có 1.627 dự án được

⁶ Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cùng kỳ năm 2022 bằng 39,7% và tăng 12,3%

cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7,94 tỷ USD, tăng 75,5% về số dự án và tăng 38,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký điều chỉnh có 736 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm 4,16 tỷ USD, giảm 42,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.852 lượt với tổng giá trị góp vốn 4,14 tỷ USD, tăng 60,7% so cùng kỳ năm trước.

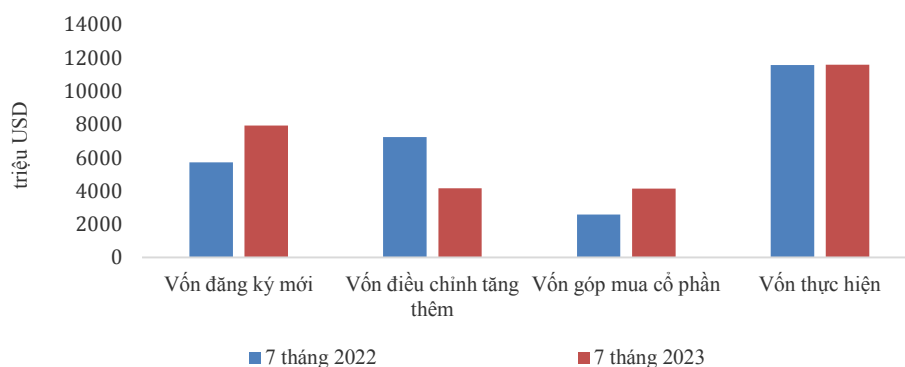
Trong số 61 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 7 tháng vừa qua, Singapore vẫn là nhà đầu tư lớn nhất với 2,36 tỷ USD, chiếm 29,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc với 1,57 tỷ USD, chiếm 19,8%; Hồng Kông đạt 850,2 triệu USD, chiếm 10,7%; Đài Loan đạt 641 triệu USD, chiếm 8,1%; Nhật Bản đạt 493,3 triệu USD, chiếm 6,2%.

Vốn thực tiếp tăng

FDI hiện tục

Trong 7 tháng năm 2023, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước tính đạt 11,58 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,48 tỷ USD, chiếm 81,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 778,3 triệu USD, chiếm 6,7%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 565,5 triệu USD, chiếm 4,9%.

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 7 tháng 2022 và 7 tháng 2023



Nguồn: TCTK

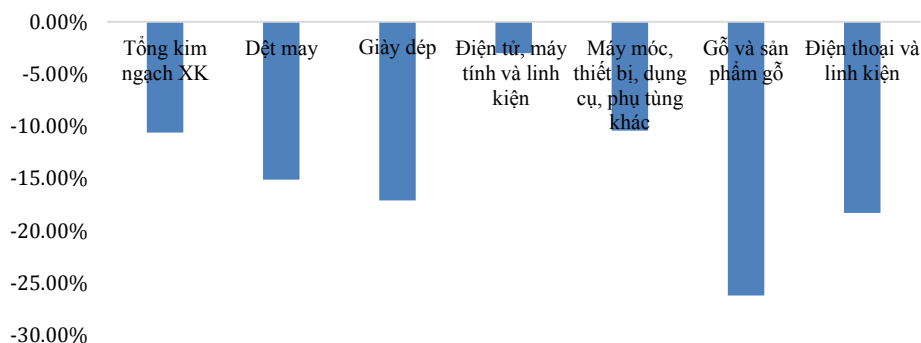
Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng so với tháng trước

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2023 ước đạt 29,68 tỷ USD, tăng 0,8% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 7,76 tỷ USD, giảm 1,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 21,92 tỷ USD, tăng 1,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm 3,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 4,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) giảm 3,2%.

Tính chung 7 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 194,73 tỷ USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 51,5 tỷ USD, giảm 10,2%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 143,23 tỷ USD, giảm 10,8%, chiếm 73,6%. Trong đó, có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 57,6%). Đồng thời, trong 7 tháng ghi nhận

mức sụt giảm của nhiều nhóm hàng có giá trị lớn với mức giảm giao động từ 10% - 26%.

Diễn biến kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 7 tháng đầu năm 2023

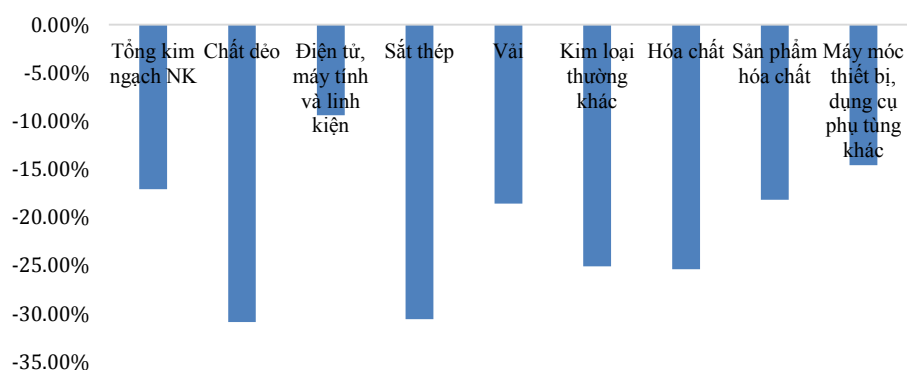


Nguồn: TCTK

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2023 ước đạt 27,53 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,73 tỷ USD, tăng 14,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 16,8 tỷ USD, giảm 1%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giảm 9,9%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 0,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 15,4%.

Tính chung 7 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 179,5 tỷ USD, giảm 17,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 64,1 tỷ USD, giảm 16,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 115,4 tỷ USD, giảm 17,7%. Trong đó, có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 37,9%). Đồng thời, ghi nhận nhiều nhóm hàng nhập khẩu có giá trị lớn cũng đã giảm giao động từ 9% - 30%.

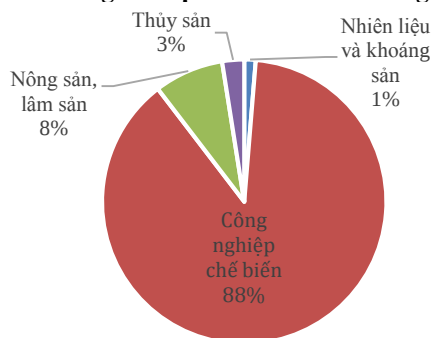
Diễn biến kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng 7 tháng đầu năm 2023



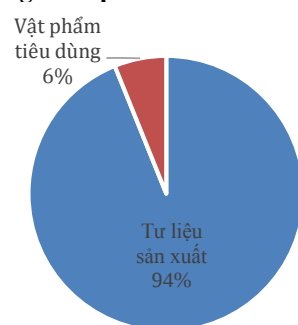
Nguồn: TCTK

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 52,4 tỷ USD. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 58,6 tỷ USD.

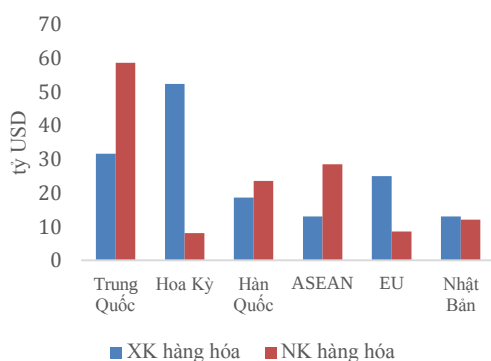
**Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu
7 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**



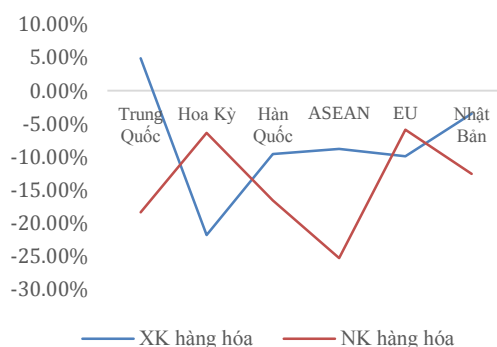
**Cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu
7 tháng 2023 phân theo nhóm hàng**



Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước trong 7 tháng 2023



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa so với cùng kỳ năm trước trong 7 tháng 2023

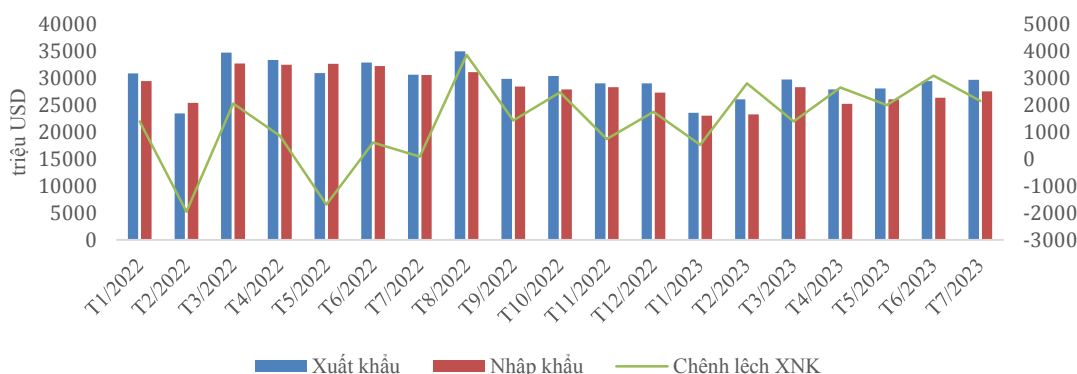


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 7 ước tính xuất siêu 2,15 tỷ USD. Tính chung 7 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 15,23 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,34 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,58 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 27,81 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2022 – 2023)



Nguồn: TCTK

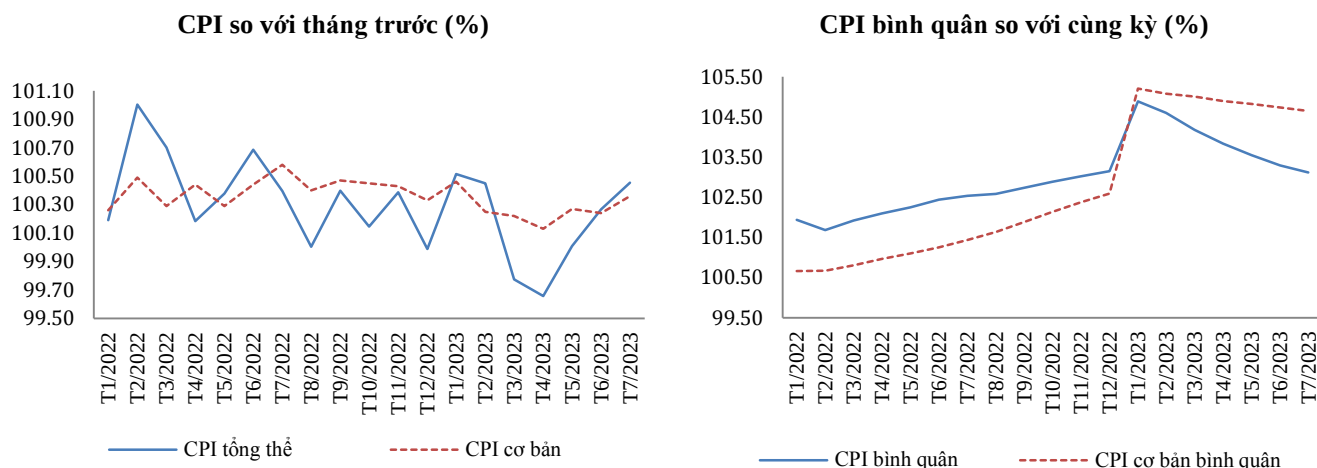
2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục tăng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước, tăng 2,06% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 7 tháng tăng 3,12% so với bình quân cùng kỳ năm trước - cao hơn mức tăng 2,54% của cùng thời điểm năm trước.

Diễn biến tăng của CPI trong tháng 7 chủ yếu là do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt tăng khi nhu cầu tăng cao vào mùa du lịch.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tăng 0,36% so với tháng trước và tăng 4,11% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 7 tháng tăng 4,65% so với bình quân cùng kỳ năm trước.



Nguồn: TCTK

Trong tháng 7, có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng so với tháng trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

- CPI nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng cao nhất, tăng 2,84%, trong đó, dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,86%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,37%; đồ dùng cá nhân tăng 0,14%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 0,12%.
- CPI nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,63%, làm CPI chung tăng 0,21 điểm phần trăm, trong đó, lương thực tăng 0,31%⁷, làm CPI chung tăng 0,01 điểm phần trăm; thực phẩm tăng 0,79%⁸, làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,39%⁹ tác động làm CPI tăng 0,03 điểm phần trăm.
- CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,51% chủ yếu do giá điện, nước tăng¹⁰.
- CPI nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,22% do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng giải khát tăng lên trong mùa hè¹¹.
- CPI nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,19% chủ yếu do giá dịch vụ du lịch trong nước tăng 0,58%; du lịch ngoài nước tăng 0,49% và khách sạn, nhà

⁷ Chỉ số nhóm gạo tăng 0,24% (Gạo tẻ thường tăng 0,28%; gạo tẻ ngon tăng 0,14%; gạo nếp tăng 0,1%) do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, các quốc gia tích cực thu mua gạo nhằm bảo đảm an ninh lương thực khi hiện tượng El Nino được dự báo sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động canh tác nông nghiệp trên toàn cầu

⁸ Giá thịt lợn tăng 2,7%, làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm; giá thịt gia cầm tăng 0,57%; giá thủy hải sản tươi sống tăng 0,14%; giá nước mắm, nước chấm tăng 0,43%; đường, mật tăng 0,8%; sữa, bơ, pho mát tăng 0,31%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,17%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,38% do nhu cầu tiêu dùng tăng và giá đường thế giới duy trì ở mức cao; giá rau tươi, khô và chế biến tăng 1,69%

⁹ Chỉ số giá ăn ngoài gia đình và uống ngoài gia đình cùng tăng 0,4%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,32%

¹⁰ Giá điện sinh hoạt tăng 3,87%; giá nước sinh hoạt tăng 0,47%

¹¹ Giá nước uống tăng lực tăng 0,56%; nước quả ép tăng 0,3%; nước khoáng tăng 0,16%; rượu bia tăng 0,25% và thuốc hút tăng 0,21%

khách tăng 0,14%. Đồng thời, giá dịch vụ thể thao tăng 0,23%; thiết bị văn hóa tăng 0,19%; thiết bị dụng cụ thể thao tăng 0,15% do nhu cầu tăng trong dịp hè.

- CPI nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,18% do nhu cầu mua sắm vào mùa hè tăng¹².

- CPI nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,15% tập trung chủ yếu ở các mặt hàng như: giá máy xay sinh tố, ép hoa quả tăng 0,53%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,41%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ tăng 0,35%; hàng thủy tinh, đồ sành sứ tăng 0,22%,...

- CPI nhóm giao thông tăng 0,11% do đang mùa cao điểm du lịch nên giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 5,5%¹³; giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,53%.

- CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,05% chủ yếu do nhóm thuốc giảm đau; thuốc hạ sốt; thuốc chống viêm không steroid và thuốc điều trị gout; xương tăng do nhu cầu của người tiêu dùng tăng.

- CPI nhóm giáo dục tăng 0,03% do một số địa phương tăng học phí mầm non.

Trong khi đó, CPI nhóm bưu chính viễn thông tiếp tục giảm 0,12% do điện thoại di động và cố định thể hệ cũ giảm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 7 năm 2023

Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản

Cụ thể, trình tự tổ chức đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến như sau:

- Đăng tải Quy chế cuộc đấu giá, thông báo công khai việc đấu giá, kèm theo danh mục tài sản, hình ảnh, tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có) trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến.

- Người tham gia đấu giá mua hồ sơ tham gia đấu giá thì được cấp một tài khoản truy cập thông qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.

+ Người tham gia đấu giá sử dụng tài khoản truy cập để được hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ, nộp tiền đặt trước thông qua các hình thức thanh toán trực tuyến, cách thức tham gia đấu giá, trả giá và các nội dung cần thiết khác khi tham gia Trang thông tin đấu giá trực tuyến.

- Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ đăng ký và tiền đặt trước hợp lệ thì được sử dụng tài khoản truy cập để tham gia cuộc đấu giá theo Quy chế cuộc đấu giá.

+ Người đủ điều kiện tham gia đấu giá mà không truy cập tài khoản đã được cấp để tham gia trả giá theo thời gian quy định trong Quy chế cuộc đấu giá thì được coi là không tham gia cuộc đấu giá, trừ trường hợp bất khả kháng.

+ Thời gian trả giá của cuộc đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận với người có tài sản nhưng tối thiểu là 15 phút.

¹² Giá quần áo may sẵn tăng 0,2%; giày dép tăng 0,11%; dịch vụ may mặc tăng 0,29%; dịch vụ giày dép tăng 0,6%

¹³ Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 26,17%; đường sắt tăng 3,96%; taxi tăng 0,09%; xe buýt tăng 0,02%

- Tại thời điểm kết thúc cuộc đấu giá, việc xác định người trúng đấu giá được thực hiện như sau:

+ Trường hợp việc trả giá được thực hiện bằng phương thức trả giá lên thì người trúng đấu giá là người có mức trả giá cao nhất được hệ thống mạng đấu giá ghi nhận.

+ Trường hợp việc trả giá được thực hiện bằng phương thức đặt giá xuống thì người trúng đấu giá là người đầu tiên chấp nhận mức giá khởi điểm hoặc giá đã giảm được hệ thống mạng đấu giá tài sản ghi nhận.

- Kết quả cuộc đấu giá trực tuyến được đăng công khai trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến và được gửi vào địa chỉ thư điện tử của người tham gia đấu giá đã đăng ký với tổ chức đấu giá tài sản.

Công văn số 4228/BCT-TTTN ngày 03/7/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 408 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 587 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 5 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 30 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 36 đồng/kg.

Công văn số 4506/BCT-TTTN ngày 11/7/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 51 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 69 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 447 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 394 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 665 đồng/kg.

Công văn số 4790/BCT-TTTN ngày 21/7/2023 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

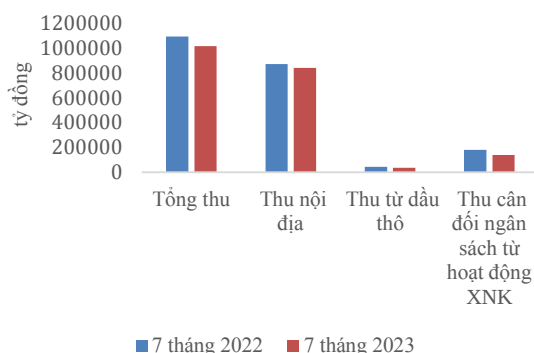
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 1.220 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 1.295 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 884 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 869 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 437 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

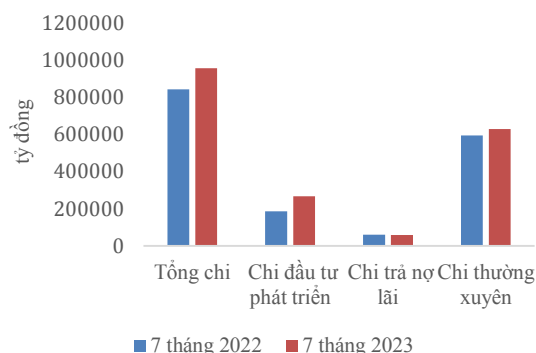
Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 7/2023 ước đạt 133,9 nghìn tỷ đồng. Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 1.016,1 nghìn tỷ đồng, bằng 62,7% dự toán năm và giảm 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 840 nghìn tỷ đồng, bằng 63% dự toán năm và giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 85,7% và giảm 19,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 140 nghìn tỷ đồng, bằng 58,6% và giảm 22,7%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 7/2023 ước đạt 158,4 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng ước đạt 957 nghìn tỷ đồng, bằng 46,1% dự toán năm và tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 629,4 nghìn tỷ đồng, bằng 53,7% dự toán năm và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 267,6 nghìn tỷ đồng, bằng 36,8% và tăng 43,2%; chi trả nợ lãi 59,2 nghìn tỷ đồng, bằng 57,5% và tăng 0,8%.

Thu NSNN 7 tháng 2022 và 7 tháng 2023



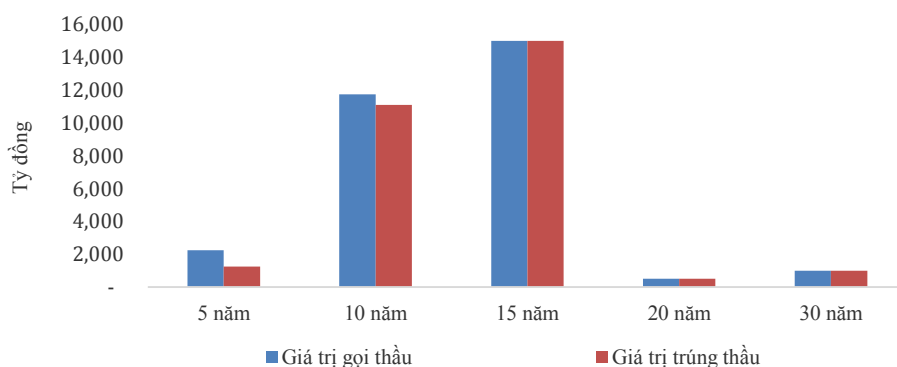
Chi NSNN 7 tháng 2022 và 7 tháng 2023



Nguồn: TCTK

Tháng 7/2023, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 28.837 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 30.500 tỷ đồng, đạt tỷ lệ gần 95% - cao hơn của tháng trước, tập trung chủ yếu ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 7 năm 2023



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 7, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ tiếp tục xu hướng giảm ở hầu hết các kỳ hạn, giảm trong khoảng 0,05 – 0,5 điểm phần trăm so với cuối tháng trước. Hiện lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm trong khoảng 1,8% – 2%/năm, kỳ hạn 10 năm trong khoảng 2,4% – 2,45%/năm, kỳ hạn 15 năm trong khoảng 2,6% – 2,7%/năm, kỳ hạn 20 năm là 2,75%/năm và kỳ hạn 30 năm trong khoảng 3,1% – 3,2%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng về quản lý ngân sách, vốn được ban hành trong tháng 7 năm 2023

Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Theo đó, bãi bỏ quy định “phân bổ cho Ủy ban Dân tộc: Không quá 17% tổng số vốn của tiểu dự án” quy định tại điểm a khoản 2.1, Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá

trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Phụ lục III.

Thay đổi mức phân bổ vốn đầu tư tại Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc.

Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2024-2026

Về xây dựng dự toán thu năm 2024:

- Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu ngân sách Nhà nước phát sinh trên địa bàn và loại trừ các khoản không thuộc nguồn thu cân đối ngân sách Nhà nước theo chế độ quy định;
- Dự toán thu ngân sách Nhà nước phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế;
- Toàn bộ số thu từ sử dụng đất quốc phòng, an ninh theo cơ chế thí điểm trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh;
- Căn cứ vào dự báo tăng trưởng kim ngạch của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng;...

Về xây dựng dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024:

- Dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách Nhà nước bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước;
- Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải chi tiết theo nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo ngành, lĩnh vực;
- Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách;
- Căn cứ quy định của pháp luật về cấp bù lãi suất và phí quản lý, tình hình thực hiện các chính sách tín dụng Nhà nước năm 2023, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ; dự kiến tăng trưởng tín dụng;...

Quyết định số 1509/QĐ-BTC ngày 20/7/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023

Đối với kinh phí thực hiện tự chủ: bổ sung 4.234.450 đồng cho các khoản chi phí định mức, trong đó: Chi mua vật tư, ấn chi: 24.507.726 đồng; Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: 2.226.480 đồng; Chi đoàn công tác nước ngoài: 1.015.704 đồng.

Đối với kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm, sửa chữa tài sản: giảm 4.234.450 đồng. Cụ thể: Chi ứng dụng công nghệ thông tin: giảm 16.958.715 đồng; Chi mua sắm tài sản: giảm 4.234.450 đồng; Chi sửa chữa tài sản: giảm 78.150.244 đồng...

Căn cứ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 được giao, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Quyết định số 1540/QĐ-BTC ngày 27/7/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023

Giảm các khoản chi trong kinh phí không thực hiện tự chủ của quản lý hành chính: giảm 4.429.000 đồng đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin; giảm 10.770.000 đồng với chi đầu tư xây dựng.

Bổ sung các khoản chi trong kinh phí không thực hiện tự chủ như sau: bổ sung 8.540.000 đồng cho chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; bổ sung 1.924.000 đồng cho chi mua sắm tài sản và bổ sung 2.103.000 đồng cho chi sửa chữa tài sản.

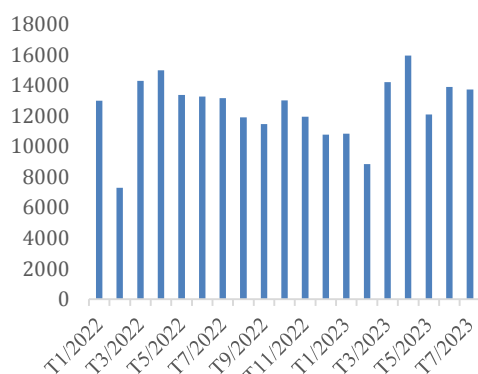
Căn cứ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 được giao, Kho bạc Nhà nước thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Tình hình doanh nghiệp

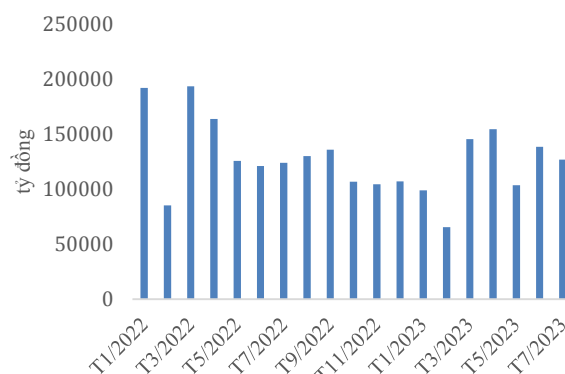
Trong tháng 7, cả nước có 13,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 126,9 nghìn tỷ đồng, giảm 1,2% về số doanh nghiệp, giảm 8,6% về vốn đăng ký so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 4,3% và số vốn đăng ký tăng 2,4%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 9,2 tỷ đồng, giảm 7,5% so với tháng trước và giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên cả nước còn có hơn 7 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 1% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng năm 2023, cả nước có 89,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 834,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% về số doanh nghiệp, giảm 17,1% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 42,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh mới

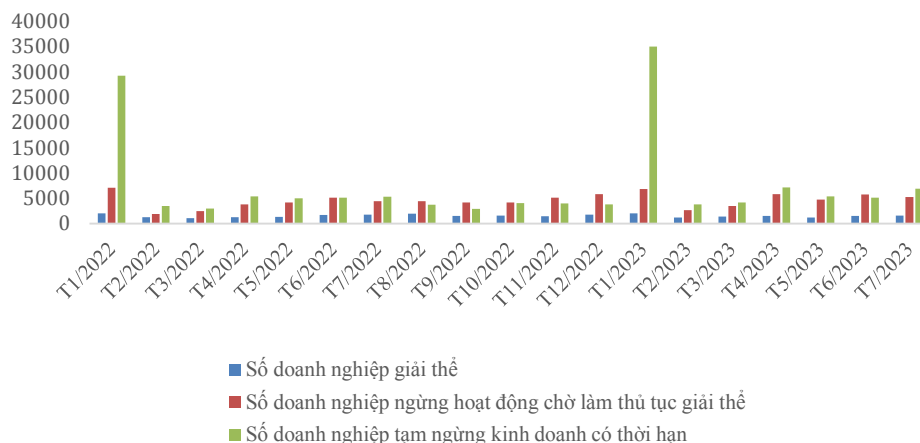


Nguồn: TCTK

Trong tháng 7, trên cả nước có 6.884 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 34,9% so với tháng trước và tăng 30,3% so với cùng kỳ năm trước; có 5.257 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 8,6% và tăng 19%; có 1.581 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 6,7% và giảm 10,5%.

Tính chung 7 tháng năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 66,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; 36 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 27,9%; 10,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,6%.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 7 năm 2023

Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tăng cường đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao (ngoài việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền), bao gồm:

- Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình về việc thiết lập hoặc tiếp tục duy trì mối quan hệ kinh doanh với khách hàng có rủi ro cao.

- Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng cá nhân để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- + Mức thu nhập trung bình hàng tháng của khách hàng trong thời gian ít nhất 06 tháng gần nhất trước thời điểm đánh giá.

- + Thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc nơi khách hàng có thu nhập chính (nếu có).

- + Thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng.

- Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng tổ chức để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- + Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính.

- + Tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất trước thời điểm đánh giá.

- + Thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng...

Các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo bao gồm:

- Giao dịch chuyển tiền bắt nguồn từ giao dịch sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng hoặc thẻ trả trước để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ.

- Giao dịch chuyển tiền và thanh toán giữa các tổ chức tài chính mà người khởi tạo và người thụ hưởng đều là các tổ chức tài chính.

Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 về việc Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và

Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

Theo đó, NHNN xây dựng Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa việc tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả các Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2025 với mục đích và yêu cầu sau:

- Ngành Ngân hàng tham gia thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của ngành ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được mục tiêu thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội, hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, trung hoà các – bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

- Việc triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được lồng ghép, tích hợp trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển ngành Ngân hàng, điều hành chính sách tiền tệ, ban hành cơ chế, chính sách tín dụng, hoạt động ngân hàng của NHNN và trong quá trình định hướng, xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh của từng TCTD nhằm thúc đẩy tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội, hướng tới phát triển mô hình ngân hàng xanh.

- Nâng cao nhận thức, vai trò và năng lực của ngành Ngân hàng trong thực hiện cấp tín dụng cho các ngành/lĩnh vực xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực phát thải cao; phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầy mạnh thực hiện tăng trưởng xanh.

Mặt khác, việc ban hành Kế hoạch còn nhằm nâng cao năng lực hoạch định chính sách và năng lực thực thi chính sách của ngành Ngân hàng theo hướng cập nhật, phát triển và đa dạng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng nhằm tăng khả năng đáp ứng nhu cầu về nguồn lực phục vụ tăng trưởng xanh của nền kinh tế; đẩy mạnh huy động nguồn lực xanh, tăng dần tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh, thực hiện quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, dân tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế về tài chính xanh.

Phát triển các mô hình ngân hàng số, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của CMCN 4.0 để xanh hoá hoạt động ngân hàng, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo hướng tự động hoá quy trình, tối ưu hoá hoạt động nghiệp vụ.

Kế hoạch cũng đề ra một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu, cụ thể là: (i) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực hiệu quả quản lý Nhà nước phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh; (ii) Hợp tác quốc tế nhằm đẩy mạnh huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh; (iii) Hoàn thiện chính sách đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm phát triển bền vững ngành Ngân hàng; (iv) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; (v) Công tác thông tin, truyền thông về hoạt động của ngành Ngân hàng góp phần thực hiện tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Công văn số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023 hướng dẫn các ngân hàng thương mại triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản

Theo đó, đối tượng vay vốn của Chương trình là khách hàng có dự án/phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản.

Lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam: thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (ngắn hạn; trung, dài hạn) của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ với thời gian triển khai đến hết ngày 30/6/2024.

Quy mô tín dụng của Chương trình khoảng 15.000 tỷ đồng (cao hơn dự kiến đặt ra gói 10.000 tỷ đồng). Bên cạnh đó, các NHTM theo thẩm quyền thực hiện miễn, giảm các loại phí dịch vụ đối với khách hàng tham gia Chương trình này, phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động của

ngân hàng.

Chương trình được thực hiện bằng nguồn vốn tự huy động của các ngân hàng và thực hiện cho vay theo cơ chế thương mại thông thường.

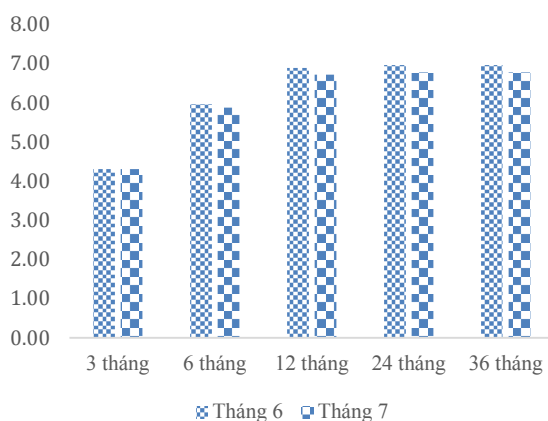
III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

*Lãi suất
huy động
tiếp tục
giảm*

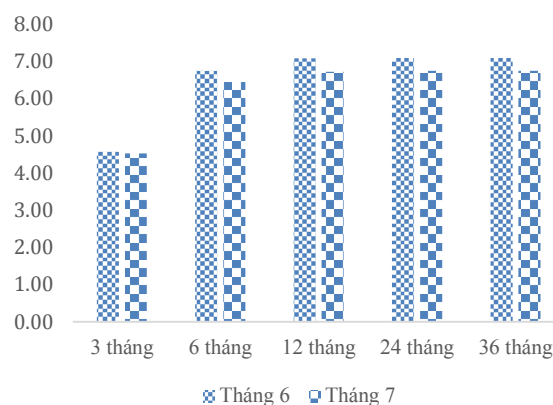
Trong tháng 7, lãi suất huy động bình quân trong nền kinh tế tiếp tục giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, lãi suất huy động bình quân đã giảm trong khoảng từ 0,09 – 0,19 điểm phần trăm, diễn biến giảm chỉ xuất hiện từ kỳ hạn huy động 6 tháng trở lên và tập trung trong khối Ngân hàng TNHH MTV. Trong khối Big4, Agribank là ngân hàng duy nhất điều chỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm lãi suất huy động kỳ hạn từ 24 tháng trở lên – hiện là ngân hàng có lãi suất huy động kỳ hạn dài thấp nhất trong nhóm các NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước lớn. Bên cạnh đó, các Ngân hàng TNHH MTV đã giảm lãi suất kỳ hạn huy động 6 tháng trở lên, giảm giao động trong khoảng 0,2 – 0,5 điểm phần trăm.

Trong khi đó, số NHTM CP điều chỉnh giảm lãi suất trong tháng 7 đã xuất hiện nhiều hơn, xu hướng điều chỉnh giảm xuất hiện ở tất cả các kỳ hạn, giao động trong khoảng 0,1 – 0,5 điểm phần trăm. Mức điều chỉnh giảm mạnh tập trung ở các kỳ hạn huy động dài, đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung của hệ thống. Kết thúc tháng 7, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 4% – 4,75%/năm, kỳ hạn 6 tháng từ 6% – 7,1%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 6% – 7,7%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



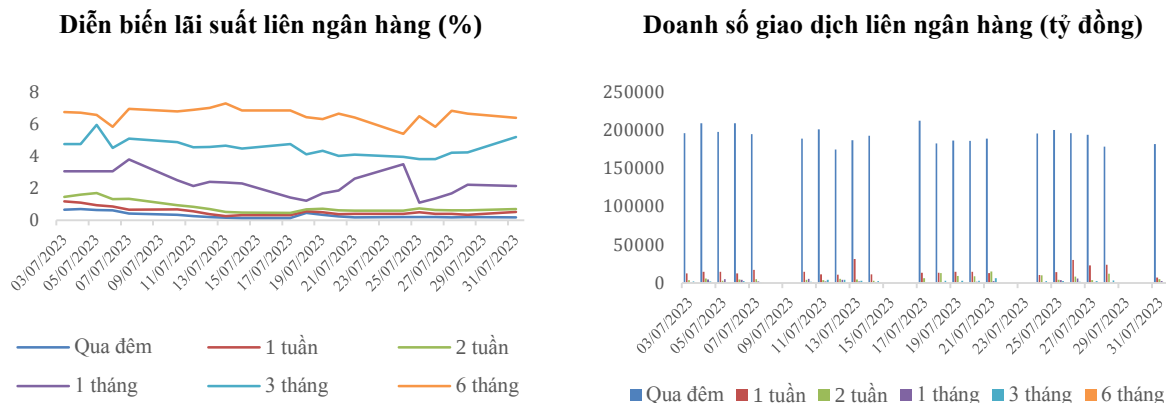
Nguồn: tổng hợp

Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4%/năm.

*Lãi suất
liên ngân
hàng tiếp
tục giảm*

Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm so với cuối tháng trước ở hầu hết các kỳ hạn, trong đó lãi suất ngắn hạn (qua đêm, 01 tuần, 02 tuần) tiếp tục giảm nhưng đã thấp hơn đáng kể so với mức giảm của tháng trước, ngoại trừ kỳ hạn 01 tuần, giảm 1,96 điểm phần trăm. Ngược lại, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 tháng, 6 tháng đã giảm lớn hơn rất nhiều so với tháng 6, giảm lần lượt là 2,24 điểm phần trăm và 1,54 điểm phần trăm. Trong tháng, duy nhất có lãi suất liên ngân hàng

kỳ hạn 3 tháng tăng 0,12 điểm phần trăm so với cuối tháng trước. Xu hướng giảm liên tục của lãi suất liên ngân hàng trong 2 tháng vừa qua đã đưa lãi suất về mức thấp trong vòng hai năm trở lại đây, rõ rệt nhất là lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn. Cụ thể tính đến cuối tháng 7/2023, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) giao dịch lần lượt là 0,19%/năm; 0,51%/năm và 0,7%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch ở mức 2,13%/năm; 5,18%/năm; 6,38%/năm và 7,59%/năm.



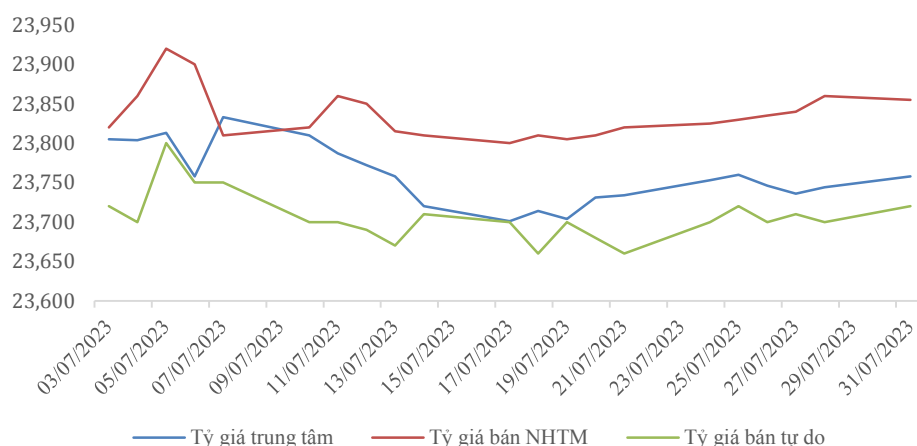
Nguồn: NHNN

Tỷ giá trung tâm diễn biến phù hợp với xu hướng của đồng USD

Trong tháng 7, tỷ giá trung tâm đã có diễn biến phù hợp, điều chỉnh giảm 0,18% so với tháng trước, tương đương giảm 42 đồng, tỷ giá trung tâm giao dịch ở mức 23.758 USD/VND vào cuối tháng. Tỷ giá được điều chỉnh giảm từ ngày 6/7 – 19/7, sát với đà giảm của đồng USD trên thị trường quốc tế, giao động giảm trong khoảng 0,04 – 0,23%/ngày giao dịch. Bên cạnh đó, trên Sở giao dịch NHNN, tỷ giá mua tham khảo không đổi so với tháng trước, tỷ giá bán cũng có mức giảm 0,18% như tỷ giá trung tâm. Kết thúc tháng, tỷ giá mua và bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN giao dịch ở mức 23.400 – 24.895 USD/VND (mua vào - bán ra).

Trên thị trường, tỷ giá giao dịch tại các NHTM và trên thị trường tự do tiếp tục tăng. Theo số liệu khảo sát của Vietcombank và Eximbank, tỷ giá giao dịch tại các ngân hàng này đã tăng giao động trong khoảng 0,38% – 0,44%, mặc dù tỷ giá giao dịch có diễn biến giảm rải rác trong khoảng 2/3 thời gian giao dịch đầu tháng nhưng đã tăng rõ rệt trong 10 ngày giao dịch cuối tháng, biến động tăng giao động trong khoảng 0,02 – 0,08%/ngày giao dịch. Bên cạnh đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do cũng có diễn biến tương tự. Theo số liệu khảo sát cho thấy, tỷ giá mua và bán trên thị trường tự do đều tăng, trong đó, tỷ giá mua tăng nhẹ và tỷ giá bán tăng khoảng 0,11% so với tháng trước. Tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát cuối tháng là 23.650 – 23.720 USD/VND (mua vào – bán ra), tỷ giá bán trên thị trường tự do thấp hơn tỷ giá bán của Vietcombank vào khoảng 135 đồng.

Diễn biến tỷ giá VND/USD



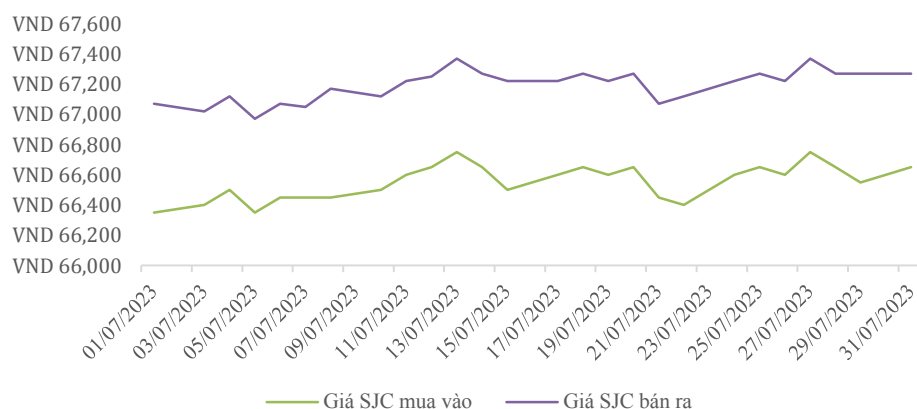
Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước cùng xu hướng với giá vàng thế giới

Kết thúc tháng 7, giá vàng trong nước có cùng xu hướng với giá vàng thế giới. Theo số liệu khảo sát, giá vàng SJC đã tăng khoảng 0,45% ở cả hai chiều mua – bán. Tuy nhiên mức độ biến động/ngày giao dịch còn có khoảng cách so với giá giao dịch quốc tế. Giá vàng giao dịch trong tháng có diễn biến tăng, giảm đan xen, biến động trong khoảng 0,07 – 0,3%/ngày giao dịch. Giá vàng SJC đã lấy lại mức giá giao dịch cao trên ngưỡng 67 triệu đồng/lượng ngay từ đầu tháng và được bảo vệ cho đến hết tháng. Diễn biến cùng xu hướng với giá vàng quốc tế trong tháng 7 tiếp tục giúp thu hẹp được khoảng cách chênh lệch của giá bán vàng trong nước và quốc tế xuống còn hơn 10 triệu đồng/lượng. Kết thúc tháng 7, giá vàng SJC giao dịch ở thời điểm khảo sát là 66,65 - 67,27 triệu đồng/lượng đối với chiều mua vào – bán ra.

Theo báo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới, nhu cầu vàng của người tiêu dùng tại Việt Nam trong quý II đã giảm 9% so với cùng kỳ năm trước, đạt 12,7 tấn. Xu hướng giảm chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ vàng thời và vàng xu giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, nhu cầu vàng trang sức cũng giảm 18%.

Diễn biến giá vàng trong nước

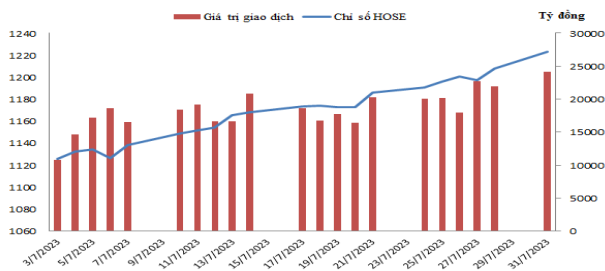


Nguồn: sjc.com.vn

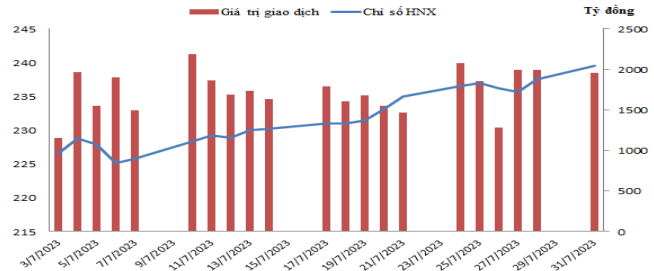
Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng ấn tượng

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong tháng 7 và duy trì xu hướng tăng liên tục trong suốt tháng, nhờ sự dịch chuyển của dòng tiền đầu tư. Đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng 7, chỉ số VN-Index đạt mức 1.222,9 điểm, tăng 9,17% so với tháng trước - vượt trội hơn so với các thị trường khác trong khu vực. Tất cả các chỉ số ngành trên sàn HOSE đều tăng trưởng, trong đó, tăng mạnh nhất gồm ngành hàng tiêu dùng, ngành công nghệ thông tin và ngành bất động sản... Cùng chung xu hướng, chỉ số HNX-Index đóng cửa tháng 7 tăng 5,38% lên 239,55 điểm và chỉ số UPCoM-Index tăng 3,9% lên 89,35 điểm - mức điểm cao nhất từ đầu năm đến nay.

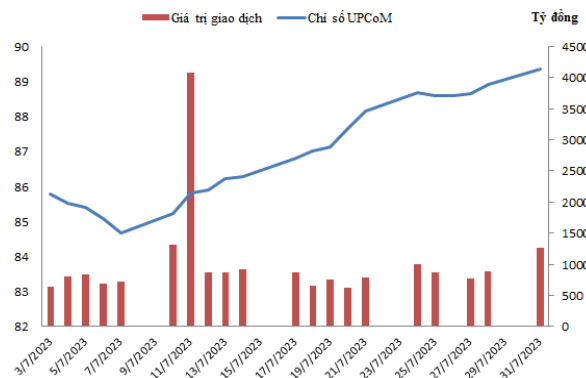
Diễn biến chỉ số HOSE tháng 7 năm 2023



Diễn biến chỉ số HNX tháng 7 năm 2023

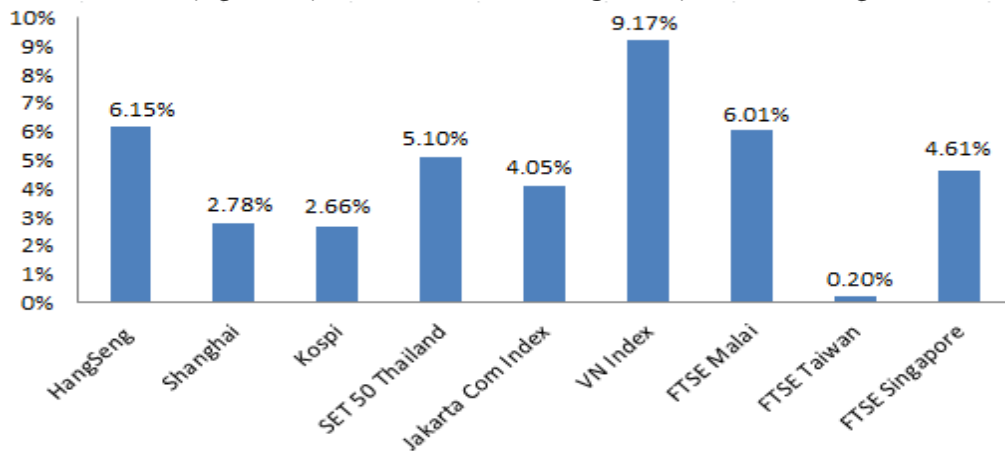


Diễn biến chỉ số UPCOM tháng 7 năm 2023



Nguồn: stockbiz.com

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á tháng 7/2023

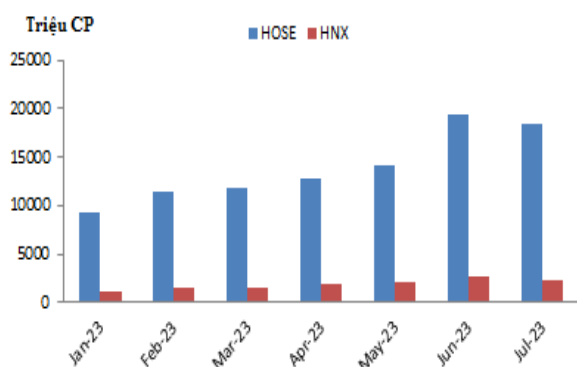


Nguồn: Bloomberg

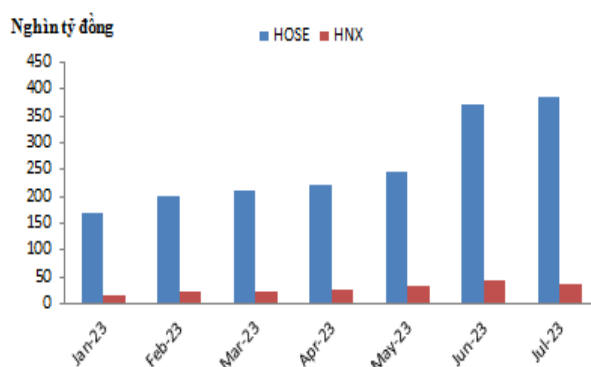
Thanh khoản thị trường tháng 7 giảm về khối lượng giao dịch nhưng tăng về giá trị giao dịch so với tháng trước. Tính chung trên cả 2 sàn giao dịch chính thức, tổng khối lượng giao dịch giảm 5,79% xuống còn 20,65 tỷ cổ phiếu trong khi

tổng giá trị giao dịch tăng 1,51% lên 419,95 nghìn tỷ đồng. Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch giảm 4,77% xuống 18,38 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch tăng 3,25% lên 383,52 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, trên sàn HNX, thanh khoản thị trường kém sôi động khi khối lượng giao dịch giảm 13,35% xuống 2,27 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch giảm 13,73% xuống 36,43 nghìn tỷ đồng. Cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất trên sàn HOSE là NVL, VND, DIG, SHB, VPB và trên sàn HNX là SHS, CEO.

Khối lượng giao dịch giai đoạn 1/2022 - 7/2023



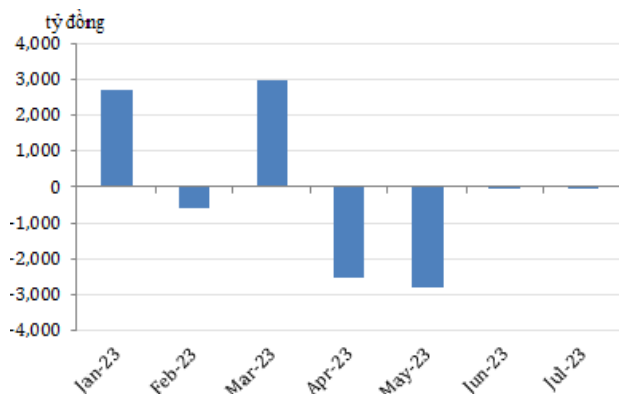
Giá trị giao dịch giai đoạn 1/2022 – 7/2023



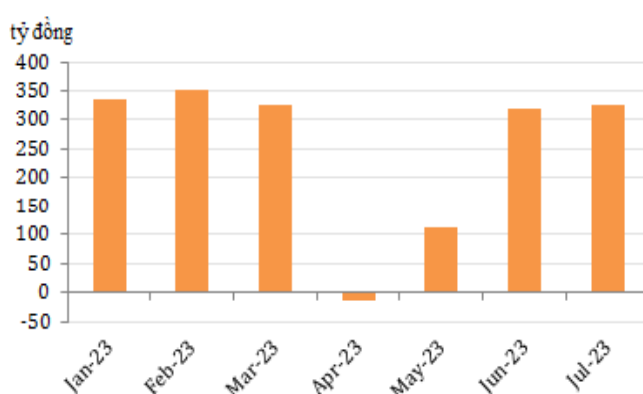
Nguồn: stockbiz.com

Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên sàn HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng tháng thứ 4 liên tiếp, tuy nhiên, giá trị bán ròng hơn 546 tỷ đồng và có xu hướng co hẹp lại trong 2 tháng vừa qua. Ngược lại, trên sàn HNX, trạng thái mua ròng của khối ngoại tiếp tục được giữ vững và có xu hướng tăng. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng 325,75 tỷ đồng, tăng 2,59% so với tháng trước. Mã cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhiều nhất trên sàn HOSE là MSB, STB, POW, KDC, EIB... và mua ròng nhiều nhất trên sàn HNX là SHS, TNG, MBS, PVI...

**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE
giai đoạn 1/2022 – 7/2023**



**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX
giai đoạn 1/2022 – 7/2023**



Nguồn: stockbiz.com

Tại thời điểm cuối tháng 7/2023, giá trị vốn hóa thị trường niêm yết trên sàn HOSE đạt hơn 4,87 triệu tỷ đồng, tăng 9,11% so với tháng trước, tương đương 51,23% GDP năm 2022.

